

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐÀO SƠN TÂY

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2023

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐÀO SƠN TÂY

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Hoàng Thị Hảo	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Trần Thị Minh Đức	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Nguyễn Văn Ngải	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Lại Hoàng Hiệp	Tổ trưởng chuyên môn	Thư ký hội đồng	
5	Lê Thị Việt Hà	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên hội đồng	
6	Nguyễn Thanh Đạm	Bí thư Chi đoàn giáo viên	Ủy viên hội đồng	
7	Lê Đặng Thảo Nhi	Trợ lý Thanh niên	Ủy viên hội đồng	
8	Hoàng Thị Vinh	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
9	Phạm Nguyễn Mỹ Nhật	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
10	Trần Thị Hải	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
11	Nguyễn Thị Yến	Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	13
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Lớp học	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	26
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	29
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	31
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	33
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	36
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	38
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	39
Mở đầu	39
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	40
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	42
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	45
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	48
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	50

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	51
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	53
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	56
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	58
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	60
Tiêu chí 3.6: Thư viện	62
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	65
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	65
Mở đầu	65
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	66
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	68
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	72
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	72
Mở đầu	73
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	73
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	76
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	79
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	81
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	84
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	86
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	91
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	93
Phần IV. PHỤ LỤC	1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	—
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	—
Tiêu chí 1.8		X	X	—
Tiêu chí 1.9		X	X	—
Tiêu chí 1.10		X	X	—
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.4		x	x	—
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	—
Tiêu chí 5.4		x	x	—
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây

Tên trước đây: Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Hoàng Thị Hào
Huyện/Thành phố /thị xã / thành phố	Thủ Đức	Điện thoại	02837246440
Xã / phường/thị trấn	Linh Xuân	Fax	02837246961
Đạt chuẩn quốc gia	Chưa	Website	thptdaosontay.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2013	Số điểm trường	01
Công lập	x	Loại hình khác	Không có
Tư thục	Không có	Thuộc vùng khó khăn	Không có
Trường chuyên biệt	Không có	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không có
Trường liên kết với nước ngoài	Không có		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 10	15	14	13	13	16
Khối lớp 11	14	14	14	13	13
Khối lớp 12	14	13	13	13	12
Cộng	43	41	40	39	41

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	60	60	60	60	60	
1	Phòng học	43	43	43	41	41	
a	Phòng kiên cố	43	43	43	41	41	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng bộ môn	11	11	11	11	11	
a	Phòng kiên cố	11	11	11	11	11	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	06	06	06	08	08	
a	Phòng kiên cố	05	05	05	07	07	
b	Phòng bán kiên cố	01	01	01	01	01	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
II	Khối phòng hành chính - quản trị	12	12	12	12	12	
1	Phòng kiên cố	12	12	12	12	12	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	05	05	05	05	05	
	Cộng	78	78	78	78	78	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 12 năm 2023

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	03	01	0	0	03	0	
Giáo viên	83	60	03	0	60	23	
Nhân viên	11	08	0	0	11	0	
Cộng	98	70	03	0	74	24	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023
1	Tổng số giáo viên	84	85	86	84	84
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,95%	2,07%	2,15%	2,15%	2,05%
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,05%	0,05%	0,05%	0,05%	0,05%
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	/	/	/	/	/
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	01

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1724	1723	1667	1621	1752	
	- Nữ	898	904	872	835	884	
	- Dân tộc thiểu số	29	21	28	30	34	
	- Khối lớp 10	600	609	532	558	689	
	- Khối lớp 11	567	570	566	509	553	

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
	- Khối lớp 12	557	544	569	554	510	
2	Tổng số tuyển mới	578	604	528	555	688	
3	Học 2 buổi/ ngày	1724	1723	1667	1621	1752	
4	Bán trú	844	860	891	809	957	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/ lớp	40,09	42,02	41,68	41,56	42,73	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	1724 100%	1723 100%	1667 100%	1621 100%	1752 100%	
	- Nữ	898	904	872	835	884	
	- Dân tộc thiểu số	29	21	28	30	34	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh (nếu có)	02	12	10	06	01	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	119	75	73	42	40	
	- Nữ	64	34	38	20	18	
	- Dân tộc thiểu số	04	04	03	02	0	
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	5,63%	14,30%	14,76%	25,78%	30,46%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	42,81%	59,70%	61,16%	57,70%	54,14%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém	7,38%	0,99%	1,39%	0,55%	0,11%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	62,06%	92,2%	88,14%	91,84%	91,08%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	26,22%	6,30%	8,05%	5,71%	7,01%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	7,66%	1,50%	3,51%	2,09%	1,85%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung về nhà trường:

Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây tọa lạc tại số 53/5, đường 10, khu phố 3, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường được thành lập theo Quyết định số 3919/QĐ/UBND, ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường có tổng diện tích 12 304 m², được xây dựng khang trang, thoáng mát, yên tĩnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập.

Nhà trường có đầy đủ phòng học, phòng chức năng, phòng bộ môn với trang thiết bị đáp ứng tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập. Khuôn viên nhà trường luôn được đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành ủy Thủ Đức, Đảng ủy chính quyền và Nhân dân phường Linh Xuân. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đoàn kết, gắn bó, tận tụy với công việc, thương yêu học sinh; đội ngũ giáo viên năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, nên chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng tốt hơn. Trường là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên trở thành một trong những đơn vị có chất lượng giáo dục cao trong thành phố Thủ Đức.

Về mục tiêu: xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục tiêu dài hạn: đến năm 2025, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- + Chất lượng giáo dục: trường có chất lượng cao của thành phố Thủ Đức.
- + Thi đua: tập thể lao động xuất sắc hằng năm.
- + Có quy mô ổn định và phát triển.

Trong giai đoạn hiện nay, với xu hướng hội nhập quốc tế, giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế tri thức, mỗi trường phổ thông cần xác định cụ thể những tiêu chí về chất lượng giáo dục cần đạt. Thực hiện theo công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá, Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây đã tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng đơn vị theo quy định.

2. Mục đích tự đánh giá

Nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

Trường giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường, từ đó cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Bước 1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.

Bước 3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Bước 4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

Bước 5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 6. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp đánh giá: nghiên cứu Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tài liệu văn bản hướng dẫn; dự tập huấn công tác tự đánh giá do ngành tổ chức; thành lập hội đồng tự đánh giá và thực hiện các quy trình tự đánh giá.

Công cụ đánh giá: thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL, về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà trường có cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học, bao gồm: 01 hiệu trưởng, 03 phó hiệu trưởng, các hội đồng trong trường học, tổ chức cơ sở Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Các tổ chức trong nhà trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà trường đã xây dựng quy chế làm việc; thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục; quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế và quy định của Điều lệ trường trung học từ đó nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây đã xây dựng chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và định hướng theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường. Theo đó, Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây xác định lấy đạo đức, sáng tạo, trách nhiệm làm giá trị định hướng; nhà trường chú trọng phát triển đức, trí, thể, mỹ cho học sinh; mỗi học sinh được rèn luyện và hình thành, phát triển năng lực cá nhân, rèn luyện khả năng hợp tác, thích ứng và định hướng nghề nghiệp [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược phát triển Trường Trung học phổ thông Đào

Son Tây giai đoạn 2020-2025 đã được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt năm 2020 [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 được niêm yết tại bảng tin; thông báo công khai qua các phiên họp của Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm, các tổ chức đoàn thể chính trị trong nhà trường và được công bố rộng rãi trên cổng thông tin điện tử <https://thptdaosontay.hcm.edu.vn> [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, trong đó có các giải pháp phù hợp để thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-03]. Nhà trường thực hiện báo cáo kết quả giám sát thông qua báo cáo tổng kết từng năm học [H1-1.1-04].

Mức 3:

Hàng năm, Hội đồng trường có định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá và bổ sung việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường về chỉ tiêu phấn đấu và giải pháp thực hiện để phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học kế tiếp. Quá trình tổ chức xây dựng, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được tổ chức lấy ý kiến, có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và đại diện cha mẹ học sinh trong nhà trường, tuy nhiên ý kiến đóng góp cho kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường của học sinh, cha mẹ học sinh còn ít [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025, đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt; có kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh hàng năm. Trong quá trình xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường, lãnh đạo đơn vị luôn bám sát thực tiễn để điều chỉnh phù hợp. Thông qua các cuộc họp, các kênh thông tin, lãnh đạo nhà trường tiếp

nhận các ý kiến đóng góp và tiếp tục bổ sung vào chiến lược phát triển của nhà trường những giải pháp phù hợp và khả thi.

3. Điểm yếu

Việc tham gia ý kiến đóng góp cho kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường của học sinh, cha mẹ học sinh còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc thực hiện chiến lược; rà soát, đánh giá lại các nguồn lực của nhà trường để kịp thời bổ sung, khắc phục những hạn chế, thiếu sót phát sinh trong quá trình thực hiện chiến lược. Chú trọng việc lấy ý kiến đóng góp rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường của học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây được thành lập theo Điều 10, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở,

trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.2-01].

Các hội đồng khác trong nhà trường gồm có: hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng sáng kiến, hội đồng chuyên môn, hội đồng kỷ luật, hội đồng coi và chấm kiểm tra đánh giá; hội đồng xét nâng lương, nâng lương trước hạn; hội đồng tuyển sinh 10 [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07].

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.

Hội đồng trường thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 10, Điều lệ trường trung học. Hội đồng trường đã quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch giáo dục của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường. Hội đồng trường còn giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-08].

Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỷ luật và các hội đồng khác đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ trường trung học [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07].

c) Các hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường được định kỳ rà soát, đánh giá nên hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, được thể hiện qua báo cáo sơ kết học kỳ, tổng kết năm học, biên bản sinh hoạt và nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.2-08]; [H1-1.2-09]; [H1-1.2-10].

Mức 2:

Hội đồng trường, hội đồng thi đua, khen thưởng và các hội đồng khác có kế hoạch và tổ chức hoạt động khoa học, giúp cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường tích cực, chủ động và luôn hoàn thành các nhiệm vụ được giao, bảo đảm đúng tiến độ, đúng mục đích và có hiệu quả. Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện

nghiêm túc, bảo đảm tính khách quan, trung thực góp phần thúc đẩy chất lượng giáo dục của đơn vị, nhờ đó nhà trường luôn hoàn thành tốt các cuộc vận động và các cuộc thi do các cấp tổ chức [H1-1.2-08]; [H1-1.2-09]. Hội đồng trường luôn có sự thống nhất cao trong việc quyết định các quyết sách và chiến lược của nhà trường. Tuy nhiên trong nhiệm kỳ 2020-2025, nhân sự của hội đồng trường không ổn định, bị thay đổi do các yếu tố khách quan như thay đổi chức danh, chuyển nơi công tác [H1-1.2-10].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường được thành lập theo quy định, có kế hoạch tổ chức thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi tổ chức. Hội đồng trường và các hội đồng khác có kế hoạch và tổ chức hoạt động khoa học, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhân sự của hội đồng trường không ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tham mưu Sở Giáo dục và Đào tạo duy trì ổn định nhân sự hội đồng trường để đảm bảo hoạt động trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) *Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định: Công đoàn nhà trường có 98 công đoàn viên, trực thuộc Công đoàn Ngành Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong nhà trường có 891 đoàn viên học sinh và 33 đoàn viên giáo viên. Ban chấp hành đoàn trường và Chi đoàn giáo viên trực thuộc Thành đoàn thành phố Thủ Đức [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Nhà trường có chi hội khuyến học thuộc Hội khuyến học thành phố Thủ Đức; chi hội chữ thập đỏ thuộc Hội chữ thập đỏ thành phố Thủ Đức [H1-1.3-04].

b) Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức khác trong nhà trường hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động trong từng năm học, theo đúng phạm vi chức trách và quyền hạn, bám sát nhiệm vụ cụ thể theo quy chế làm việc của nhà trường [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]. Ngoài ra, Công đoàn và Đoàn thanh niên

còn làm tốt nhiệm vụ tư vấn, tham mưu cho hiệu trưởng trong việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch trong năm học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2 -08].

c) Hằng năm, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và các chi hội đều thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động của mình theo quy định [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11]; [H1-1.3-12].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây được thành lập từ năm 2013, trực thuộc Thành ủy Thủ Đức [H1-1.3-13]. Chi bộ hiện có 32 đảng viên, cấp ủy chi bộ có 03 thành viên, gồm: 01 bí thư, 01 phó bí thư và 01 chi ủy viên. Chi bộ tổ chức và hoạt động theo đúng Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam [H1-1.3-14]; [H1-1.3-15]; [H1-1.3-16]. Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2019 đến năm 2023, chi bộ nhà trường được đánh giá từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 04 năm đạt chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-17].

b) Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường hoạt động tích cực, hiệu quả, phối hợp nhịp nhàng trong các hoạt động của nhà trường, xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết, nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, được các cấp ghi nhận và khen thưởng [H1-1.3-18]; [H1-1.3-19]; [H1-1.3-20].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Thành ủy Thủ Đức công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 04 năm, 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-17].

b) Công đoàn nhà trường đạt danh hiệu “Công đoàn vững mạnh”, hoàn thành tốt nhiệm vụ nhiều năm liền. Năm học 2022-2023, công đoàn nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhận Bằng khen của Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh [H1-1.3-18].

Từ năm học 2018-2019 đến nay, Đoàn trường luôn được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hằng năm được nhận bằng khen của Thành Đoàn Thành

phổ Hồ Chí Minh. Đoàn trường luôn phát huy vai trò trách nhiệm, làm nòng cốt cho mọi hoạt động phong trào của nhà trường. Tuy nhiên, một vài thành viên của Ban chấp hành Đoàn trường còn hạn chế về kỹ năng hoạt động tập thể, chưa có nhiều thành viên xuất sắc, nổi bật [H1-1.3-19]; [H1-1.3-20].

Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đều có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, vận động thành viên tích cực tham gia các hoạt động chung của nhà trường cũng như các hoạt động thiện nguyện, được nhận giấy khen hay bằng khen ghi nhận thành tích, kết quả hoạt động của các cấp có thẩm quyền [H1-1.3-18]; [H1-1.3-19]; [H1-1.3-20]. Chi hội khuyến học, chi hội chữ thập đỏ đã trao nhiều suất học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.3-21].

2. Điểm mạnh

Chi bộ, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định, có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

3. Điểm yếu

Một vài thành viên của Ban chấp hành Đoàn trường còn hạn chế về kỹ năng hoạt động tập thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, nhà trường quan tâm củng cố nhân sự Ban chấp hành Đoàn trường, thực hiện tốt công tác rà soát và phát hiện cán bộ đoàn trong học sinh ngay từ năm lớp 10; tổ chức cho Ban chấp hành Đoàn trường tham gia các lớp bồi dưỡng về phẩm chất, kỹ năng công tác đoàn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây có 01 hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

- b) Nhà trường có 09 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng, mỗi tổ đều có 01 tổ trưởng do hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm, một số tổ ghép có tổ phó chuyên môn. Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn được quy định tại Điều 14, Điều lệ trường trung học [H1-1.4-03]. Cơ cấu tổ chức của tổ văn phòng được quy định tại Điều 15, Điều lệ trường trung học [H1-1.4-04].

- c) Đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch hoạt động của nhà trường, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng tháng và

thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14 và 15, Điều lệ trường trung học [H1-1.4-05].

Tổ văn phòng thực hiện nhiệm vụ quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và hỗ trợ các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt định kỳ 2 tuần/1 lần để thảo luận, thống nhất các nội dung về chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-08].

Mức 2:

a) Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện từ 01 chuyên đề trở lên về đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-09].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được hiệu trưởng, phó hiệu trưởng định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh thông qua hoạt động kiểm tra nội bộ của nhà trường [H1-1.4-08]; [H1-1.4-10].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. Hằng năm, tổ chuyên môn chủ động trong việc lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, chú trọng bồi dưỡng nguồn nhân lực tham gia các kỳ thi cấp thành phố [H1-1.4-05]. Các hoạt động trên đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập của thầy và trò trong nhà trường [H1-1.2-09].

b) Hằng năm, tổ chuyên môn chủ động thực hiện các chuyên đề hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.4-09]. Hoạt động tổ chuyên môn đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, học sinh tham gia các kỳ thi cấp thành phố đạt giải hằng năm. Tuy nhiên, công tác bồi dưỡng học sinh tham gia các kỳ thi cấp thành phố của một số tổ chuyên môn chưa mang lại hiệu quả cao [H1-1.4-11].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường thực hiện theo quy định của Điều lệ trường trung học. Cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên kiểm tra giám sát các hoạt động chuyên môn để kịp thời nắm bắt và điều chỉnh.

Các tổ chuyên môn hoạt động hiệu quả, có nhiều ý tưởng, tích cực và chủ động đổi mới, hội nhập.

3. Điểm yếu

Công tác bồi dưỡng học sinh tham gia các kỳ thi cấp thành phố của một số tổ chuyên môn chưa mang lại hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, tập trung vào đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, coi hoạt động bồi dưỡng, phát triển năng khiếu học sinh là hoạt động mũi nhọn nhằm nâng cao số lượng học sinh đạt giải các kỳ thi cấp thành phố.

Lãnh đạo nhà trường thường xuyên tham dự các buổi sinh hoạt chuyên đề của các tổ, dự giờ thăm lớp, chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao chất lượng tổ bộ môn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các lớp của cấp học theo quy định của Điều 16 Điều lệ trường trung học, phù hợp với thực tế của năm học để thuận tiện cho việc quản lý dạy và học. Năm học 2023-2024 nhà trường có 45 lớp [H1-1.5-01].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học đảm bảo đúng quy định của Điều 16 Điều lệ trường trung học. Mỗi lớp có lớp trưởng, lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Trong mỗi lớp, học sinh được chia thành nhiều tổ (thường là 04 tổ), mỗi tổ có 01 tổ trưởng do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu năm học [H1-1.5-02].

c) Các lớp học trong nhà trường hoạt động theo nguyên tắc tự quản và dân chủ. Tinh thần tự quản của học sinh là tiêu chí được đặt lên hàng đầu. Lớp trưởng, lớp phó và các tổ trưởng được bầu công khai trong buổi sinh hoạt lớp đầu năm học. Tổ chức sinh hoạt lớp do lớp trưởng, lớp phó cùng các tổ trưởng điều hành [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Mức 2:

Hàng năm, Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây có từ 39 đến 43 lớp học. Sĩ số học sinh trong từng lớp có từ 38 đến 45 học sinh. Sĩ số học sinh trong lớp đảm bảo đúng yêu cầu theo quy định tại Điều 16, Điều lệ trường trung học [H1-1.5-01]; [H1-1.5-03].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường có từ 39 lớp đến 43 lớp, mỗi lớp có sĩ số từ 38 học

sinh trở lên, một số lớp có sĩ số trên 40 học sinh [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức các khối lớp, các lớp học của nhà trường đảm bảo đúng quy định tại Điều 16, Điều lệ trường trung học.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn một số lớp có sĩ số trên 40 học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tăng cường bố trí cơ sở vật chất, tăng phòng học để giảm sĩ số trong các lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật Lưu trữ. Nhà trường có phòng riêng để lưu trữ các hồ sơ chuyên môn, hồ sơ tổ chức hoạt động. Hồ sơ học vụ liên quan đến hồ sơ học sinh được lưu trữ tại phòng học vụ. Nhà trường có hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính; quản lý tài sản; lưu trữ hồ sơ, chứng từ kế toán, có sổ quản lý tài sản chung và tài sản riêng của từng bộ phận. Năm 2024, văn bản đi và đến được lưu trữ trên hệ thống văn phòng điện tử [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

b) Hằng năm, nhà trường có lập dự toán ngân sách và được cấp trên phê duyệt; việc thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính được thực hiện theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước, phòng Kế hoạch Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo, thực hiện lưu trữ hồ sơ đầy đủ [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04].

Nhà trường thực hiện tự kiểm tra tài chính, tài sản định kỳ và công khai theo quy định [H1-1.6-05].

Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung cập nhật, phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-06].

c) Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được nhà trường thực hiện tốt, đúng mục đích, có hiệu quả để phục vụ các hoạt động của nhà trường. Nhà trường quản lý tài chính, tài sản thông qua các văn bản hướng dẫn cụ thể. Công tác thu, chi và các chế độ công khai tài chính hằng quý đúng quy định, công tác kiểm kê, giám sát và đề xuất mua sắm sửa chữa phục vụ các hoạt động giáo dục kịp thời. Trường thực hiện báo cáo tài chính với cấp trên theo đúng quy định và được lưu tại hồ sơ của kế toán [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09].

Mức 2:

a) Nhà trường thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản, sử dụng phần mềm trong quản lý tài chính của nhà trường [H1-1.6-07].

Nhà trường thực hiện công khai, niêm yết thông tin, kế hoạch hoạt động của nhà trường trên cổng thông tin điện tử <http://thptdaosontay.hcm.edu.vn>; thường xuyên phát hành các thông báo, các văn bản chỉ đạo hoạt động của nhà trường; thực hiện lưu trữ hồ sơ trực tuyến để truy xuất nhanh khi cần thiết [H1-1.1-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. Nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong công tác thanh tra, kiểm tra năm học 2022-2023 [H1-1.6-10].

Mức 3:

Nhà trường xây dựng dự toán hằng năm để tạo các nguồn tài chính hợp pháp, đảm bảo cho các hoạt động giáo dục của nhà trường, chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn cho công tác tạo các nguồn tài chính hợp pháp [H1-1.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định. Hồ sơ được ghi chép đầy đủ, cẩn thận, đảm bảo tính hệ thống, số liệu chính xác. Lưu trữ hồ sơ, văn bản theo quy định của Luật Lưu trữ.

Công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính và công khai tài chính theo quy định. Xây dựng được qui chế chi tiêu nội bộ có bổ sung, điều chỉnh hằng năm sau hội nghị công chức viên chức.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính

hợp pháp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc thực hiện hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản; bổ sung kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch giáo dục và tình hình thực tế, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên trong năm học. Trong đó, nhà trường tạo điều kiện giáo viên học nâng cao trình độ, phân công giáo viên, nhân viên tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nhằm nâng

cao chất lượng, hiệu quả công việc [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

b) Nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo quy chế làm việc và đề án vị trí việc làm, đảm bảo hiệu quả hoạt động trong nhà trường [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định, được tham gia các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.7-02]; được đảm bảo về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách [H1-1.7-05]; [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07]; [H1-1.7-08].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên; tổ chức các hội nghị chuyên đề, phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong quá trình đổi mới và hội nhập. Tuy nhiên, một số nhân viên chưa chủ động và sáng tạo trong thực hiện công việc nên hiệu quả công việc chưa cao [H1-1.7-02]; [H1-1.7-07].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Một số nhân viên chưa chủ động và sáng tạo trong thực hiện công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ năm học và có kế hoạch giám sát thường xuyên việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên; tập huấn, bồi dưỡng để nhân viên tích cực, chủ động và sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu năm học, căn cứ kế hoạch và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục và cụ thể hóa nội dung, thời gian thực hiện theo từng tháng phù hợp với quy định hiện hành, thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường được quản lý chặt chẽ theo đúng Điều lệ của trường trung học [H1-1.8-01].

b) Nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đã được Hội đồng trường thông qua, trong đó: hiệu trưởng giữ vai trò chỉ đạo điều hành chung; phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn tổ chức, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện kế hoạch năm học theo từng tổ chuyên môn; phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất chỉ đạo, điều hành, giám sát việc thực hiện về cơ sở vật chất nhà trường; phó hiệu trưởng phụ trách các hoạt động phong trào, giám sát việc thực hiện nề nếp, kỷ luật của học sinh. Tổ trưởng tổ chức, điều hành hoạt động tổ chuyên môn. Giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao theo thời khóa biểu, theo sự phân công nhiệm vụ từ cán bộ quản lý, hiển thị đầy đủ qua sổ đầu bài và

các biên bản kiểm tra [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu năm học [H1-1.8-04].

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh thông qua dự giờ thăm lớp, tham dự các buổi họp, chuyên đề của các tổ chuyên môn [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09]; [H1-1.8-04].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá đạt hiệu quả vào dịp tổng kết mỗi năm học [H1-1.8-06]. Tuy nhiên, một số tổ chuyên môn tổ chức hoạt động chưa sâu sát, chưa tạo được bước đột phá trong đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng bộ môn nên hiệu quả chưa cao [H1-1.8-04].

Nhà trường không tổ chức dạy thêm học thêm trong trường; việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm bên ngoài nhà trường được thực hiện đảm bảo theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đầu mỗi năm học, hiệu trưởng triển khai tất cả các văn bản có liên quan đến dạy thêm, học thêm bên ngoài nhà trường để giáo viên nghiêm túc thực hiện đúng theo quy định [H1-1.8-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục hằng năm phù hợp với quy định hiện hành, với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục hằng năm.

Các bộ phận có sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu năm học.

Nhà trường cũng định kỳ rà soát, đánh giá để có những điều chỉnh kịp thời, nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số tổ chuyên môn tổ chức các hoạt động chưa sâu sát, chưa tạo được bước đột phá trong đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng bộ môn nên hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên, tổ chức lấy thông tin phản hồi từ học sinh và cha mẹ học sinh.

Nhà trường tổ chức các lớp tập huấn về công nghệ thông tin cho giáo viên, cung cấp cho giáo viên nhiều công cụ để thực hiện đổi mới hình thức, phương pháp giảng dạy, tạo niềm say mê hứng thú cho học sinh trong mỗi tiết học để nâng cao chất lượng bộ môn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường ban hành quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Luật số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 về Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập và Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Hiệu trưởng nhà trường quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ, huy động nhiều ý tưởng cũng như lắng nghe sự phản biện của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong quá trình xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường thông qua các hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

Nhà trường có đầy đủ biên bản họp hội đồng sư phạm định kỳ, đột xuất đảm bảo cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo đúng quy định [H1-1.9-05]; [H1-1.9-06].

Các biện pháp giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-05]; [H1-1.9-07].

b) Nhà trường giải quyết các kiến nghị, phản ánh của giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh theo đúng thẩm quyền và đúng pháp luật quy định [H1-1.9-02].

Cán bộ quản lý nhà trường luôn lắng nghe và chia sẻ với ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, nên trong 05 năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Một số phản ánh, kiến nghị được nhà trường giải quyết đầy đủ, đúng trình tự, đúng thẩm quyền, tuân thủ luật pháp và có báo cáo hằng năm [H1-1.9-08].

c) Định kỳ hằng năm, ban thanh tra nhân dân làm tốt công tác giám sát việc

thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động, thể hiện đầy đủ trong các báo cáo sơ kết, tổng kết việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường [H1-1.9-03]; [H1-1.9-05]; [H1-1.9-06].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường được đảm bảo thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả, nhất là trong việc thực hiện chế độ chính sách cho viên chức, người lao động; việc thực hiện tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, quản lý; việc sử dụng tài sản, tài chính trong nhà trường. Ban thanh tra nhân dân đã thực hiện đúng, đủ chức trách nhiệm vụ được giao trong việc giám sát thường xuyên việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường. Thông qua hoạt động giám sát, Ban thanh tra nhân dân đã kiến nghị lãnh đạo nhà trường giải trình những vấn đề chưa rõ cho đội ngũ viên chức, người lao động được biết. Từ năm học 2018-2019 đến nay, nhà trường lên lịch thực hiện tiếp công dân hằng tuần, nắm bắt tình hình dư luận thông qua các buổi họp tổ, họp hội đồng sư phạm [H1-1.9-06]; [H1-1.9-08]. Tuy nhiên, công tác cập nhật và xử lý thông tin dư luận của nhà trường đôi khi chưa kịp thời [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện triển khai đầy đủ quy chế dân chủ ở cơ sở.

Cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Công tác cập nhật và xử lý thông tin dư luận đôi khi chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường tiếp tục chỉ đạo bộ phận văn thư thu thập, cập nhật nhanh thông tin phản hồi từ các tổ chức trong và ngoài nhà trường. Lãnh đạo nhà trường xử lý thông tin 2 chiều phải được truyền tải đầy đủ, chính xác, kịp thời và được xử lý nhanh tạo lòng tin trong

đội ngũ tập thể sư phạm trường và ngoài nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng và phổ biến cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh các kế hoạch phối hợp với công an phường Linh Xuân, Trung tâm

Y tế dự phòng thành phố Thủ Đức về phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, kế hoạch phòng chống các tệ nạn xã hội và kế hoạch phòng chống dịch bệnh, vệ sinh và an toàn thực phẩm; bếp ăn cho học sinh của nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04].

b) Nhà trường có lắp thùng thư góp ý đặt ở sảnh chính và trước phòng tiếp công dân, để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; niêm yết số điện thoại của trường, của công an phường Linh Xuân để cán bộ, giáo viên, nhân viên kịp thời liên hệ khi cần thiết. Trường có bố trí phòng tiếp công dân và có phân công lịch trực hằng ngày [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

Trong 05 năm qua, tình hình an ninh chính trị trong nhà trường được đảm bảo và giữ vững ổn định. Giáo viên, nhân viên và học sinh luôn an tâm giảng dạy, công tác và học tập [H1-1.10-07].

c) Trong nhà trường không có hiện tượng kỳ thị về giới, bạo lực học đường. Học sinh được học tập trong môi trường thân thiện, an toàn. Nhiều năm liền, nhà trường được thành phố Thủ Đức công nhận là đơn vị đạt chuẩn về an ninh trật tự và đơn vị văn hóa [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08]; [H1-1.10-09].

Mức 2:

a) Hằng năm, thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ và hoạt động ngoài giờ lên lớp, nhà trường tổ chức các buổi chuyên đề về kỹ năng sống cho học sinh; tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-05]; [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08]. Tuy nhiên, trong nhà trường còn một số học sinh chưa nghiêm túc thực hiện vệ sinh môi trường, vệ sinh lớp học [H1-1.8-04].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, nắm bắt các vấn đề về bạo lực học

đường, an ninh trật tự. Khi phát hiện học sinh trong nhà trường có mâu thuẫn đã kịp thời phối hợp với cha mẹ học sinh và các bên liên quan để hòa giải, xử lý kịp thời. Từ đó, đã ngăn chặn hiệu quả tình trạng bạo lực học đường và nguy cơ gây mất an ninh trật tự nhà trường [H1-1.8-04]; [H1-1.10-09].

Hằng năm, nhà trường được công an thành phố Thủ Đức công nhận trường học an toàn. Năm 2022, nhà trường được khen tặng tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” [H1-1.10-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt việc đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Được sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương, công an phường Linh Xuân trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự xã hội trong và ngoài nhà trường.

Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

3. Điểm yếu

Còn một số học sinh chưa nghiêm túc trong việc thực hiện vệ sinh môi trường, vệ sinh lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai nhiều biện pháp giúp học thực hiện tốt hơn việc đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh lớp học; giáo dục nền nếp, ý thức giữ gìn vệ sinh thông qua các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt tập thể.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động

theo quy định, đóng góp tích cực trong các hoạt động, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với lãnh đạo nhà trường và hoạt động hiệu quả.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường đạt hiệu quả. Nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Điểm yếu cơ bản:

Trong nhiệm kỳ, thành viên của hội đồng trường là đại diện chính quyền địa phương chưa có nhiều ý kiến góp ý, đề xuất giải pháp phát triển nhà trường.

Việc tham gia ý kiến đóng góp cho kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường của học sinh, cha mẹ học sinh còn ít.

Tuy nhiên, còn một số học sinh chưa nghiêm túc trong việc thực hiện vệ sinh môi trường, vệ sinh lớp học.

Số lượng các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Số tiêu chí đạt mức 1: 10/10 + Số tiêu chí không đạt mức 1: 0/10
- + Số tiêu chí đạt mức 2: 10/10 + Số tiêu chí không đạt mức 2: 0/10
- + Số tiêu chí đạt mức 3: 3/5 + Số tiêu chí không đạt mức 3: 2/5

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao. Đội ngũ giáo viên có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao đảm bảo cho việc thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đạt chuẩn trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp. Nhân viên trong nhà trường được phân công phù hợp với công việc, hợp lý theo năng lực. Số lượng học sinh đảm bảo về độ tuổi đi học và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường có trình độ đào tạo đại học, sau đại học và thời gian dạy học đều trên 05 năm theo quy định của Điều lệ trường trung học, trước khi được bổ nhiệm đều là những giáo viên trực tiếp đứng lớp giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo, được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh quyết định bổ nhiệm theo nhiệm kỳ [H1-1.4-01]. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường có đầy đủ văn bằng, chứng chỉ đạt tiêu chuẩn theo quy định [H2-2.1-01]; có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, có chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực tổ chức quản lý nhà trường và có uy tín trước tập thể [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng hằng năm. Năm học 2022-2023, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được tập thể sư phạm đánh giá, bỏ phiếu tín nhiệm theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học phổ thông; được lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá và tốt [H2-2.1-03].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được tham gia được các lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục, tin học, ngoại ngữ và trung cấp, cử nhân chính trị, tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức; hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng hoàn thành lớp cao cấp chính trị [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

Mức 2:

a) Từ năm học 2018-2019 đến nay, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá Chuẩn hiệu trưởng theo thông tư 29/2009/TT-BGDĐT, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá và tốt [H2-2.1-03].

b) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; xây dựng được khối đoàn kết nội bộ, tạo được sự tín nhiệm cao trước tập thể [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05]; [H2-2.1-06].

Mức 3:

Từ năm học 2018-2019 đến thời điểm hiện tại, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên. Trong đó, hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng hằng năm ở mức tốt. Tuy nhiên, các phó hiệu trưởng chưa tham gia học lớp sau đại học để nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn và nâng chất lượng đánh giá chuẩn [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng khá, tốt hằng năm.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có trình độ đào tạo đạt chuẩn, được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định; hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng hoàn thành cao cấp chính trị.

3. Điểm yếu

Các phó hiệu trưởng chưa tham gia học lớp sau đại học để nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn và nâng chất lượng đánh giá chuẩn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, các phó hiệu trưởng nhà trường tham gia học lớp nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn, tiếp tục học tập kinh nghiệm ở đồng nghiệp để nâng cao tầm nhìn, khả năng dự báo nhằm đề ra được những biện pháp khả thi, thực hiện có hiệu quả kế hoạch chiến lược và kế hoạch từng năm học của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở

lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong 05 năm qua, số lượng, cơ cấu giáo viên của nhà trường đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục. Năm học 2022-2023, trường có 84 giáo viên, đạt tỷ lệ 2,05 giáo viên/lớp [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

b) 100% giáo viên trong nhà trường đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.2-03]; [H2-2.2-04]; [H2-2.2-05].

c) 100% giáo viên trong nhà trường đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. Năm học 2022-2023 có 36,1% đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt; 63,9% đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá [H2-2.2-04].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trong nhà trường đạt trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần. Năm học 2022-2023 có 84 giáo viên (100%) đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó có 24 giáo viên (28,6%) đạt trình độ thạc sỹ [H2-2.2-04]; [H2-2.2-05]. Hằng năm, giáo viên trong nhà trường được tham gia các lớp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý giáo dục, ... [H2-2.1-05]; [H1-1.7-06]]; [H2-2.1-06].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó năm học 2022-2023 có 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, tốt [H2-2.2-04].

c) Giáo viên trong nhà trường có tham gia tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh hằng năm; có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Năm học 2022-2023 có học sinh đạt giải trong hội thi nghiên cứu khoa học cấp thành phố; cuộc thi Robot Sumo, thi tên lửa nước, thi đua xe thể năng, thi kết cấu chịu lực cấp thành phố [H2-2.2-06]; [H2-2.2-07]; [H2-2.2-08]; [H2-2.2-09].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trong nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-10].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức khá trở lên, trong đó tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn ở mức tốt đạt 36,1% [H2-2.2-04].

b) Từ năm 2018-2019 đến nay, nhà trường có giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học [H2-2.2-08].

Giáo viên nhà trường tích cực trong công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng việc triển khai công tác nghiên cứu khoa học trong nhà trường [H2-2.2-11]; [H2-2.2-12]; [H2-2.2-13].

2. Điểm mạnh

Trường có tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần hằng năm.

100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá, tốt; được bố trí giảng dạy đúng chuyên môn nghiệp vụ.

Trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học kết quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường xây dựng kế hoạch phát huy điểm mạnh của giáo viên, có kế hoạch cụ thể để khuyến khích giáo viên nghiên cứu, báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 11 nhân viên và 03 giáo viên kiêm nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công, gồm: văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế, thư viện, thiết bị, bảo vệ và nhân viên phục vụ đáp ứng đúng theo Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập; phân công 03 giáo viên kiêm nhiệm công tác quản lý học sinh theo khối, đồng thời hỗ trợ tổ văn phòng trong công tác cập nhật, theo dõi điểm rèn luyện của học sinh [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02]; [H1-1.7-03].

b) Các nhân viên trong nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực chuyên môn [H1-1.4-07]. Nhà trường thực hiện tốt các quy định về chế độ, chính sách đối với tất cả các nhân viên, được ký hợp đồng lao động đầy đủ theo quy định của pháp luật [H2-2.3-01].

c) Hằng năm, các nhân viên trong nhà trường đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Năm học 2022-2023, có 100% nhân viên trong nhà trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H2-2.3-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập. Số lượng nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường hiện có 14 người, đều đã được tham gia các lớp đào tạo về nghiệp vụ, đáp ứng đúng vị trí việc làm trong nhà trường [H2-2.3-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-03].

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán, thủ quỹ và nhân viên thiết bị có trình độ đại học theo đúng chuyên môn. Nhân viên y tế, văn thư có trình độ trung cấp theo đúng chuyên ngành. Nhân viên thư viện có trình độ cao đẳng theo đúng chuyên ngành. Tất cả các nhân viên đều đã được tham gia các lớp đào tạo về nghiệp vụ, đáp ứng đúng vị trí việc làm [H2-2.3-02].

b) Hằng năm, nhân viên trong nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Tuy nhiên, việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên bảo vệ chưa được thường xuyên [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh

Các nhân viên trong nhà trường có trình độ đạt chuẩn và được bố trí công việc phù hợp. Đội ngũ nhân viên được đảm bảo chế độ chính sách và thực hiện khá tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên bảo vệ chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc thực hiện đảm bảo chế độ chính sách cho nhân viên theo quy định và có chế độ động viên, khuyến khích để ổn định đội ngũ nhân viên, đảm bảo phát huy tốt hơn việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Tăng cường phối hợp với các đơn vị chức năng, tạo điều kiện để nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng nghiệp vụ, đảm bảo yêu cầu chung của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện tuyển sinh lớp 10 đảm bảo theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, trường không có học sinh học trước tuổi [H2-2.4-01]; [H2-2.4-02].

b) Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định thông qua việc thực hiện nội quy, quy định của nhà trường và nhiệm vụ học tập [H2-2.4-03]; [H1-1.8-02].

c) Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị cho các phòng học, phòng chức năng phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Học sinh được giáo dục kỹ năng sống; được tư vấn tâm lý, hướng nghiệp; được khám sức khỏe; tham gia tất cả các hoạt động giáo dục, các cuộc thi, các phong trào của Đoàn trường và Thành đoàn Thủ Đức phát động [H2-2.2-06]; [H2-2.2-07]; [H2-2.2-08]. Hằng năm, thông qua hoạt động đối thoại giữa học sinh và lãnh đạo nhà trường, các em được bày tỏ tâm tư, nguyện vọng và đề đạt các ý kiến đóng góp xây dựng nhà trường [H2-2.4-04].

Năm học 2023-2024, nhà trường có 47 học sinh thuộc diện chính sách được miễn giảm học phí; học sinh được nhận học bổng, trợ cấp và được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H2-2.4-05]; [H2-2.4-06]; [H2-2.4-07].

Mức 2:

Từ năm học 2018-2019 đến nay, nhà trường không có học sinh vi phạm pháp luật [H2-2.4-08]. Học sinh vi phạm nội quy, tác phong, nề nếp được nhà trường phát hiện kịp thời và áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp như cho học sinh viết bản kiểm điểm, viết nhận thức về sai lầm của bản thân, học nội quy trong phòng truyền thống, đồng thời tổ chức cho các em tham gia các hoạt động thiện nguyện, hoạt động phong trào của đoàn thanh niên, từ đó các em có cơ hội hoạt động tập thể, được rèn luyện thêm nhiều kỹ năng, sửa đổi và có chuyển biến tích cực; học sinh có tiến bộ sẽ được nhà trường khen thưởng [H2-2.4-08]; [H2-2.4-09]; [H2-2.4-10].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường có nhiều học sinh đạt giải trong các hội thi phong trào cấp thành phố, giải thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, các cuộc thi năng khiếu, thành tích đạt được của học sinh có ảnh hưởng tích cực và là nhân tố truyền cảm hứng cho học sinh khác trong hoạt động học tập và phong trào của nhà trường [H2-2.4-10].

Hằng năm, học sinh có tham gia và đạt giải hội thi nghiên cứu khoa học cấp thành phố, tuy nhiên kết quả còn hạn chế [H2-2.2-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ theo yêu cầu tuyển sinh đầu cấp, đúng độ tuổi quy định. Học sinh nhà trường được đảm bảo các quyền theo Điều 35, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật.

Nhà trường có nhiều học sinh đạt giải trong các hội thi, các hoạt động phong trào cấp thành phố.

3. Điểm yếu

Học sinh tham gia nghiên cứu khoa học kết quả còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục đảm bảo các quyền của học sinh theo quy định, tăng cường các biện pháp quản lý và giáo dục đạo đức cho học sinh; phối hợp tốt hơn nữa với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường; làm tốt hơn công tác hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh; tăng cường công tác bồi dưỡng, giáo dục ý thức tự chủ trong học tập, nâng tỷ lệ học sinh khá giỏi và đậu tốt nghiệp, đậu đại học, cao đẳng; xây dựng biện pháp tăng cường hỗ trợ học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

Nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

Tất cả học sinh của trường đều đảm bảo về độ tuổi theo quy định, 100% học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật.

Điểm yếu cơ bản:

Việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên bảo vệ chưa được thường xuyên.

Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học đạt giải còn hạn chế.

Số lượng các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- | | |
|------------------------------|------------------------------------|
| + Số tiêu chí đạt mức 1: 4/4 | + Số tiêu chí không đạt mức 1: 0/4 |
| + Số tiêu chí đạt mức 2: 4/4 | + Số tiêu chí không đạt mức 2: 0/4 |
| + Số tiêu chí đạt mức 3: 4/4 | + Số tiêu chí không đạt mức 3: 0/4 |

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây có cơ sở vật chất khang trang, phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Nhà trường có 08 phòng học bộ môn đang được sử dụng (01 phòng thực hành Vật lý, 01 phòng thực hành Hóa học, 01 phòng thực hành Sinh học, 03 phòng thực hành Tin học, 01 phòng học thông minh, 01 phòng thực hành STEM), 01 phòng Không gian văn hoá Hồ Chí Minh, 45 phòng học kiên cố và có đầy đủ các phòng chức năng (Thư viện, Công đoàn, Đoàn thanh niên, y tế, tư vấn tâm lý và các phòng làm việc của lãnh đạo nhà trường).

Nhà trường có sân chơi rộng, thoáng mát; khuôn viên nhà trường luôn được đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Nhà trường có đủ khu nhà để xe cho giáo viên và học sinh, khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh bố trí riêng biệt, đủ số lượng theo quy định. Hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo tính khoa học, an toàn, đủ tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Thư viện nhà trường hằng năm đều được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, ... đảm bảo phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. Trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho các hoạt động dạy học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6\text{m}^2/\text{học sinh}$; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10\text{m}^2/\text{học sinh}$; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường luôn quan tâm xây dựng cảnh quan trường lớp, tích cực thực hiện phong trào xây dựng trường học hạnh phúc; trường học thân thiện, học sinh tích cực; sân trường có nhiều cây xanh thoáng mát cho học sinh vui chơi. Khuôn viên nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường kiên cố, biển tên trường đúng Điều lệ trường trung học, có tường hàng rào bao quanh toàn bộ khu vực trường, có bảo vệ trực theo quy định [H3-3.1-03].

c) Nhà trường có sân chơi, bãi tập với diện tích $3\,588\text{ m}^2$, nhà tập đa năng có diện tích 608 m^2 được trang bị đầy đủ các thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-04].

Mức 2:

Nhà trường có khu vực sân chơi rộng rãi, thông thoáng với nhiều cây xanh bóng mát, lối đi được bố trí hợp lý, phù hợp để tổ chức các lễ hội, chào cờ đầu tuần và các hoạt động giáo dục khác [H3-3.1-05]. Tuy nhiên, khu bãi tập thể thao của học sinh còn thiếu mái che, ảnh hưởng đến một số hoạt động ngoài trời.

Mức 3:

Tổng diện tích toàn trường $12\,304\text{ m}^2$, đạt 7 m^2 trên một học sinh; khu sân chơi, bãi tập có diện tích $4\,196\text{ m}^2$ chiếm 34,1% tổng diện tích toàn trường đảm bảo cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Khu bãi tập thể thao của học sinh còn thiếu mái che, ảnh hưởng đến một số hoạt động ngoài trời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy ưu điểm, xây dựng môi trường sư phạm xanh sạch đẹp; chăm sóc mảng xanh trong khuôn viên trường để phục vụ tốt cho việc học tập và rèn luyện thể chất của học sinh. Phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường, dự trù kinh phí và vận động cha mẹ học sinh tài trợ lắp mái che khu bãi tập của học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường hiện có 45 phòng học, mỗi phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh trung học phổ thông, có 01 bộ bàn ghế của giáo viên, có 01 bảng viết, 01 tivi, hệ thống âm thanh, bóng đèn đảm bảo đủ điều kiện về ánh sáng; mỗi phòng học được bố trí thoáng mát, đầy đủ thiết bị đảm bảo cho học sinh học hai buổi một ngày [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Các phòng bộ môn gồm 01 phòng thực hành Vật lý, 01 phòng thực hành Hóa học, 01 phòng thực hành Sinh học, 03 phòng thực hành Tin học, 01 phòng học thông minh, 01 phòng thực hành STEM [H3-3.2-02].

c) Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn thanh niên, phòng thư viện, phòng truyền thống, 01 phòng không gian văn hoá Hồ Chí Minh. Các phòng đều có không gian thoáng mát, sạch đẹp, được trang trí hài hòa, ý nghĩa, phục vụ tốt cho các hoạt động [H3-3.2-02].

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng kiên cố đạt tiêu chuẩn, đáp ứng đủ nhu cầu giảng dạy, học tập, sinh hoạt của giáo viên và học sinh. Các phòng đều đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.2-02].

b) Khối phòng phục vụ học tập có: 08 phòng (mỗi phòng thực hành Vật lý, Hoá học, Sinh học, Tin học đều có 01 phòng kho để chứa đồ dùng thiết bị và là nơi chuẩn bị dụng cụ, thiết bị thí nghiệm) đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định; phòng thư viện với trên 5 000 đầu sách phục vụ cho việc

học tập và nghiên cứu; phòng hội trường 500 chỗ đảm bảo cho các buổi sinh hoạt tập thể, hướng nghiệp; có phòng chứa các thiết bị môn Giáo dục quốc phòng an ninh [H3-3.2-02].

Mức 3:

Nhà trường trang bị cho mỗi phòng học đầy đủ các thiết bị như: bàn ghế, bảng viết, bộ âm li, loa âm thanh, tivi, camera phục vụ cho công tác quản lý và giảng dạy, học tập [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Các phòng bộ môn được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định. Tất cả các phòng đều có bảng nội quy sinh hoạt, lịch hoạt động để hướng dẫn học sinh đến học tập phải tuân theo các quy định về các đặc điểm chức năng riêng của từng phòng. Mỗi phòng thực hành tin học được lắp 02 máy lạnh, có 45 máy vi tính phục vụ học sinh, 01 máy vi tính cho giáo viên, tất cả các máy vi tính đều được kết nối Internet [H3-3.2-02].

Nhà trường có phòng tư vấn tâm lý để tổ chức các hoạt động giáo dục, tư vấn cho học sinh và hỗ trợ học sinh diện giáo dục hoà nhập [H3-3.2-03].

Nhà trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

2. Điểm mạnh

Tất cả phòng học đều được trang bị tivi thông minh, 100% được kết nối internet, thuận lợi cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin.

Các khối phòng phục vụ học tập, phòng làm việc đáp ứng yêu cầu phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường. Việc quản lý, sử dụng các khối phòng, các loại thiết bị văn phòng thực sự có hiệu quả và đúng theo các quy định hiện hành.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh

hoàn cảnh đặc biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc thực hiện sử dụng hiệu quả khối phòng phục vụ, khai thác tối đa các phòng chức năng nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác dạy và học trong nhà trường; bố trí phòng để tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các phòng đáp ứng yêu cầu hoạt động của khối hành chính, quản trị. Các phòng của khối hành chính - quản trị được bố trí tại tầng trệt để thuận tiện trong việc liên hệ công tác gồm: 01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng

phó hiệu trưởng, 01 phòng công đoàn, 01 phòng tài vụ, 01 phòng văn thư, 01 phòng học vụ, 01 phòng giám thị, 01 phòng họp hội đồng, 01 phòng truyền thống, 01 phòng y tế [H3-3.2-01].

b) Nhà trường có khu để xe riêng biệt dành cho giáo viên và học sinh. Khu để xe học sinh với 800 chỗ được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự cho học sinh khi ra vào trường. Khu để xe của giáo viên, nhân viên rộng rãi, thông thoáng đáp ứng được nhu cầu để xe của toàn thể đội ngũ nhà trường [H3-3.3-01].

c) Nhà trường định kỳ có sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị đảm bảo hoạt động tốt [H3-3.3-02].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị của trường được xây dựng theo quy định; khu bếp, khu nhà ăn sạch sẽ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà ăn phục vụ tối đa cho hơn 1000 học sinh, hàng ngày cán bộ y tế trường kiểm tra chất lượng bữa ăn cho học sinh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có thực hiện lưu mẫu thức ăn trước mỗi bữa ăn theo quy định [H1-1.10-04].

Các phòng ngủ dành cho học sinh bán trú đều được trang bị quạt, máy lạnh, giường nằm đảm bảo điều kiện nghỉ ngơi cho học sinh. Có 02 phòng nghỉ dành cho giáo viên được trang bị quạt, máy lạnh và giường nằm [H3-3.3-03].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, nhà trường chưa có phòng tiếp công dân riêng biệt, hiện tại phòng tiếp công dân đang được bố trí dùng chung với phòng lưu trữ [H3-3.3-03]; [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Khối hành chính - quản trị của trường được xây dựng theo quy định, có đầy đủ các thiết bị, định kỳ được kiểm tra, sửa chữa, bổ sung, đáp ứng yêu cầu và hỗ

trợ hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng tiếp công dân riêng biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, nhà trường sẽ nghiên cứu sắp xếp bố trí thêm một phòng ở khu vực hành chính làm phòng tiếp công dân của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có: khu vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên gồm có 01 phòng nam, 02 phòng nữ; 12 khu vệ sinh dành cho học sinh được bố trí tại các tầng lầu (02 nhà vệ sinh nam, 02 nhà vệ sinh nữ/tầng) và 01 khu vệ sinh trong khu vực nhà thi đấu. Các phòng vệ sinh thường xuyên sạch sẽ và đảm bảo cấp đủ nước,

an toàn, thuận tiện cho giáo viên và học sinh, không gây ô nhiễm môi trường. Các khu vệ sinh của học sinh có chỗ riêng, đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có sử dụng nguồn nước sạch, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng và sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường ký hợp đồng với công ty nước uống tinh khiết Lavie để cung cấp nước uống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường có hệ thống thoát nước được bố trí ngầm xung quanh khuôn viên trường; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực phòng thực hành thí nghiệm, phòng y tế, nhà bếp, căn tin và khu vệ sinh [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

c) Nhà trường hợp đồng với công ty dịch vụ công ích để thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường và có gửi rác thải y tế sang trạm y tế phường Linh Xuân để xử lý theo quy định. Đồng thời nhà trường giao nhiệm vụ cho nhân viên phục vụ làm vệ sinh thường xuyên tại các khu vực nhà vệ sinh; hướng dẫn học sinh trực nhật lớp hằng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-04].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh được xây dựng và ở các góc của mỗi tầng lầu đảm bảo tách biệt, thuận tiện, phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế. Nhà trường có 01 khu tập kết rác và đặt các thùng rác trên các tầng lầu, đảm bảo hệ thống thùng rác khác màu để phân loại rác thải. Tuy nhiên việc thu gom và phân loại rác của học sinh thực hiện chưa tốt [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, riêng cho nam và nữ, vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ.

Nhà trường có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo

viên, nhân viên và học sinh, cung cấp nước uống cho học sinh đạt tiêu chuẩn, hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

3. Điểm yếu

Việc thu gom và phân loại rác của học sinh thực hiện chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc thực hiện chỉ đạo cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh làm tốt công tác lao động, vệ sinh, giữ gìn phòng ốc, khuôn viên và các khu vệ sinh luôn sạch, đẹp.

Tăng cường công tác kiểm tra, giáo dục ý thức cho học sinh, đảm bảo việc thu gom và phân loại rác đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt

động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác đảm bảo cho việc phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị dạy học, đảm bảo cho các hoạt động giáo dục; thiết bị dạy học được sắp xếp khoa học tại các phòng học bộ môn và phòng chứa thiết bị của nhà trường. Tất cả các lớp học của trường đều được trang bị tivi, hệ thống âm thanh để phục vụ cho công tác dạy và học tập [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, các thiết bị trong nhà trường đều được kiểm kê và có kế hoạch sửa chữa hoặc thay mới thiết bị hư hỏng [H3-3.3-03]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) 100% các máy vi tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Nhà trường có lắp đặt hệ thống Internet tại khu vực khối hành chính [H3-3.5-04].

b) Nhà trường có đủ các thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học theo quy định và có các biện pháp bảo quản thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học để phục vụ công tác giảng dạy [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, nhà trường đầu tư mua sắm và bảo quản, tu sửa thiết bị, đồ dùng bị hỏng, tiêu hao; xây dựng nội quy sử dụng thiết bị nhằm sử dụng các thiết bị có hiệu quả nhất; có kế hoạch để giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, bổ sung danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học hằng năm [H3-3.5-01]. Năm 2022, nhà trường đã trang bị thêm 01 màn hình Led cho hội trường, lắp 45 tivi cho các lớp và 01 tivi cho phòng truyền thống [H3-3.5-05].

Mức 3:

Phòng thí nghiệm, khu vực thực hành có đầy đủ thiết bị đảm bảo cho các hoạt động thực hành thí nghiệm thường xuyên và hiệu quả. Tổ chuyên môn có tiết thực hành thí nghiệm lập kế hoạch, lập sổ đăng ký sử dụng thiết bị dạy học thực hành cho giáo viên, phát huy được hiệu quả của các phòng chức năng. Tuy nhiên, các thiết bị dạy học tự làm còn ít và chưa được sử dụng hiệu quả [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đầu tư mua sắm đầy đủ các thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục.

Tất cả các lớp học của trường đều được trang bị tivi, hệ thống âm thanh để phục vụ cho công tác dạy và học.

3. Điểm yếu

Các thiết bị dạy học tự làm còn ít và chưa được sử dụng hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc thực hiện kiểm tra, theo dõi và đánh giá hiệu quả việc sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên; khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, quản lý, khai thác, sử dụng tốt đồ dùng dạy học đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt

động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện nhà trường có vị trí đẹp, thuận lợi cho giáo viên và học sinh. Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các ấn phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01].

b) Hoạt động của thư viện thực hiện qua sổ theo dõi mượn, trả sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy định pháp luật đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03]. Nhà trường tiến hành tự kiểm tra, rà soát công tác thư viện trong năm học [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05].

c) Hằng năm, thư viện nhà trường được kiểm kê, bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Việc bổ sung các loại sách, tài liệu tham khảo được thực hiện dựa trên đề xuất của các tổ chuyên môn và các dự án cấp phát tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh [H3-3.6-06].

Mức 2:

Hằng năm, thư viện nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh công nhận là thư viện đạt chuẩn, năm học 2020-2021 và 2021-2022 đạt thư viện xuất sắc, năm học 2019-2020 thư viện trường đạt giải “Thư viện năng động sáng tạo” do Thành Đoàn phối hợp với Cục Thông tin cơ sở, Bộ Thông tin Truyền thông tổ chức [H3-3.6-07].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên, năm học 2020-2021 và 2021-2022 đạt thư viện xuất sắc [H3-3.6-07].

Năm học 2022-2023, thư viện nhà trường được mở rộng và trang trí đẹp hơn, đảm bảo nhu cầu đọc sách của giáo viên và học sinh. Thư viện có hệ thống máy tính kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-07]; [H3-3.6-08]. Tuy nhiên, nhà trường chưa trang bị thư viện số để đáp ứng nhu cầu đọc trực tuyến cho giáo viên và học sinh.

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường đã được công nhận là thư viện đạt chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Thư viện có đầy đủ hồ sơ, sổ sách của cán bộ thư viện đúng theo quy định. Phong trào đọc sách, báo tạp chí trong trường đã được phát động, duy trì nhiều năm.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa trang bị thư viện số để đáp ứng nhu cầu đọc trực tuyến cho giáo viên và học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy

điểm mạnh trong việc thực hiện chuẩn thư viện. Trang bị thêm máy tính được kết nối Internet, xây dựng hệ thống thư viện số để đáp ứng tốt hơn nhu cầu nghiên cứu, các hoạt động khác của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đủ phòng học đảm bảo cho việc dạy học 02 buổi/ngày cho tất cả học sinh. Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, có đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị dạy học theo quy định, hằng năm thực hiện kiểm kê, sửa chữa, bổ sung các thiết bị. Các thiết bị dạy học được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Khu bãi tập thể thao của học sinh còn thiếu mái che.

Nhà trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

Việc thu gom và phân loại rác của học sinh thực hiện chưa tốt.

Số lượng các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- | | |
|------------------------------|-------------------------------------|
| + Số tiêu chí đạt mức 1: 6/6 | + Số tiêu chí không đạt mức 1: 0/10 |
| + Số tiêu chí đạt mức 2: 6/6 | + Số tiêu chí không đạt mức 2: 0/10 |
| + Số tiêu chí đạt mức 3: 3/5 | + Số tiêu chí không đạt mức 3: 2/5 |

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ của cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả của đoàn thể đặc biệt là

sự tin yêu, giúp đỡ của nhân dân, cha mẹ học sinh trong các hoạt động của nhà trường. Việc phối hợp nhịp nhàng giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác vận động xã hội hóa hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của trường trong những năm qua.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường được thành lập và hoạt động đúng Điều lệ của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thành viên của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường là trưởng ban hoặc phó trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, số lượng các phó trưởng ban và

các thành viên thường trực của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường do cuộc họp các trưởng ban và phó trưởng ban của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp quyết định. Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp được thành lập trong buổi họp phụ huynh đầu năm, nhiệm kỳ của Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường là một năm học; các Ban đại diện cha mẹ học sinh hết nhiệm kỳ khi bắt đầu năm học tiếp sau, riêng Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp 12 hết nhiệm kỳ khi kết thúc năm học [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường phối hợp với hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm, trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất với hiệu trưởng để quyết định kế hoạch sử dụng kinh phí được ủng hộ, tài trợ và chỉ sử dụng sau khi được toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất ý kiến, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ [H4-4.1-03].

c) Các kế hoạch xây dựng của Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường được tổ chức thực hiện đúng tiến độ [H4-4.1-04].

Mức 2:

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường tập hợp ý kiến của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, của cha mẹ học sinh để thống nhất với hiệu trưởng các biện pháp giải quyết; phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh; phối hợp với hiệu trưởng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh tại các buổi họp phụ huynh học sinh định kỳ, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường luôn phối hợp tốt với Chi hội khuyến học xác minh các hoàn cảnh học sinh khó khăn, tổ chức vận động học sinh bỏ học tiếp tục đi học [H4-4.1-05].

Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn hỗ trợ nhà trường giải quyết kiến nghị của cha mẹ học sinh về hoạt động giáo dục của nhà trường; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh trong việc thực hiện đúng nội quy nhà trường, hỗ trợ

các hoạt động của nhà trường [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức họp định kỳ giữa lãnh đạo trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, mỗi năm 3 lần (đầu năm học để triển khai kế hoạch, cuối học kỳ I, cuối kỳ II), nhằm tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp phối hợp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-05]. Tuy nhiên sự phối hợp của một số cha mẹ học sinh với giáo viên chủ nhiệm trong giáo dục học sinh đôi lúc chưa kịp thời.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với Ban đại diện cha mẹ học sinh, có kế hoạch và sự thống nhất trong các hoạt động, đạt hiệu quả cao.

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp nhiệt tình, tâm huyết, luôn đồng hành và phối hợp với nhà trường; nắm chắc các điều lệ để hoạt động, góp phần tích cực nâng cao chất lượng dạy và học cũng như ý thức chấp hành nội quy, quy định của nhà trường cho con em mình.

3. Điểm yếu

Sự phối hợp của một số cha mẹ học sinh với giáo viên chủ nhiệm trong giáo dục học sinh đôi lúc chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc giữ mối liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với Ban đại diện cha mẹ học sinh; tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, sự phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh, tăng cường mối quan hệ giữa giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh các lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp

với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các cá nhân, tổ chức trong nhà trường tích cực tham mưu cho cấp ủy chỉ bộ, chính quyền về việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường [H1-1.2-08]; phối hợp với cha mẹ học sinh tài trợ thiết bị, trao thưởng cho học sinh tích cực hoạt động phong trào góp phần thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục nhà

trường đã đề ra [H4-4.2-01].

b) Nhà trường thực hiện tuyên truyền các hoạt động trên cổng thông tin điện tử <https://thptdaosontay.hcm.edu.vn/>, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng, của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục thông qua các hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.8-04]; thường xuyên tuyên truyền về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường, giáo dục trật tự, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh, phòng chống cháy nổ, về chủ quyền biển đảo cho học sinh [H4-4.2-02].

c) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch vận động tài trợ và trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt để tổ chức huy động các mạnh thường quân, cha mẹ học sinh hỗ trợ thiết bị cho các phòng học như tivi, âm thanh, máy chiếu; lắp camera giám sát toàn bộ khuôn viên; lắp màn hình led cho phòng hội trường; mua dù che nắng cho học sinh hoạt động ngoài trời; tài trợ cho học sinh tham gia các hoạt động phong trào. Nhà trường đã sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định, đạt hiệu quả cao [H4-4.2-01].

Mức 2:

a) Sau Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2020-2025, hiệu trưởng tham mưu với Cấp ủy Chi bộ về những nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, được sự thống nhất cao của Chi bộ và thông qua trong Nghị quyết chi bộ hằng năm. Hiệu trưởng căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Chi bộ và đặc điểm tình hình nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, tổ chức thông qua lấy ý kiến hội đồng trường, đồng thời được Sở giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh phê duyệt, tạo điều kiện cho trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01].

b) Nhà trường luôn quan tâm thực hiện công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân, chính quyền địa phương để tận dụng tối đa các nguồn lực, hỗ trợ cho công tác tổ chức các hoạt động giáo dục; phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để bảo vệ an ninh, trật tự, tuyên truyền phòng chống các tệ nạn xã

hội cho học sinh [H4-4.2-03].

Đoàn trường và Chi đoàn giáo viên tham gia tích cực các hoạt động do Thành Đoàn Thủ Đức tổ chức trong công tác giáo dục truyền thống, lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống cho học sinh. Đoàn viên học sinh và giáo viên tham gia các cuộc thi và phong trào học tập rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các chương trình tham quan về nguồn tại các di tích lịch sử, các địa điểm văn hóa, truyền thống, bảo tàng. Nhà trường phối hợp cùng Đoàn phường Linh Xuân giáo dục nhận thức về bảo vệ môi trường sống, không xả rác xuống kênh rạch cho đoàn viên, thanh niên và người dân; thăm và tặng quà cho các hộ gia đình có công với cách mạng, gia đình các anh hùng, liệt sĩ, cựu binh sĩ; tổ chức dâng hoa, dâng hương các anh hùng liệt sĩ tại nghĩa trang thành phố và nhà Thiếu tướng Đào Sơn Tây; thăm và tặng quà cho đảng viên cao tuổi Đảng [H4-4.1-04]; [H4-4.2-04].

Mức 3:

Trong những năm qua, nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân triển khai thực hiện nhiều nội dung giáo dục trong nhà trường và địa phương như tổ chức đêm trung thu cho người dân khu phố, tổ chức gian hàng tết nhân ái, hiến máu tình nguyện. Tuy nhiên, số lượng hoạt động còn hạn chế, nhà trường chưa đạt tiêu chí là trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp với các tổ chức, đoàn thể để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Nhà trường xây dựng kế hoạch vận động tài trợ và trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hằng năm, đã sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định, đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đạt là trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; tiếp tục huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với Ban đại diện cha mẹ học sinh, có kế hoạch và sự thống nhất trong các hoạt động, đạt hiệu quả cao.

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp nhiệt tình, tâm huyết, luôn đồng hành và phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục; nắm chắc các điều lệ đề hoạt động, góp phần tích cực nâng cao chất lượng dạy và học tập cũng như ý thức chấp hành nội quy, quy định của nhà trường cho con em mình.

Nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để thực hiện các kế hoạch giáo dục.

Điểm yếu cơ bản:

Một số cha mẹ học sinh có hoàn cảnh khó khăn nên việc phối hợp với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm đôi lúc chưa kịp thời.

Một số thành viên trong Ban chấp hành đoàn trường thực hiện chưa tốt nhiệm vụ học tập và truyền thông công tác đoàn.

Số lượng các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- | | |
|------------------------------|------------------------------------|
| + Số tiêu chí đạt mức 1: 2/2 | + Số tiêu chí không đạt mức 1: 0/2 |
| + Số tiêu chí đạt mức 2: 2/2 | + Số tiêu chí không đạt mức 2: 0/2 |
| + Số tiêu chí đạt mức 3: 1/2 | + Số tiêu chí không đạt mức 3: 1/2 |

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu luôn được quan tâm. Bên cạnh đó, nhà trường luôn có các chính sách miễn, giảm học phí cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong mỗi năm học. Các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức với nhiều nội dung phong phú, phù hợp với từng đối tượng học sinh và đáp ứng được điều kiện của nhà trường. Việc giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, giáo dục địa phương được lồng ghép vào các môn học hoặc tổ chức thành các chủ đề giáo dục trên lớp, các tiết ngoài giờ lên lớp, các buổi tuyên truyền. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp, lên lớp, tỷ lệ học sinh khá giỏi tăng dần hằng năm.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng

yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học của Sở Giáo dục và Đào tạo, căn cứ kế hoạch Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 – 2025, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch giáo dục của trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ [H1-1.4-05]; [H1-1.8-01].

b) Giáo viên của trường vận dụng đa dạng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin để tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Hằng năm, nhà trường tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi, khuyến khích giáo viên lên tiết thao giảng cấp trường, cấp cụm nhằm tạo điều kiện cho giáo viên giao lưu học hỏi kinh nghiệm, các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực [H1-1.4-08]; [H5-5.1-01].

Các tổ chuyên môn xây dựng các kế hoạch dạy học dự án, thành lập các câu lạc bộ, hướng dẫn học sinh tham gia các lớp học trực tuyến nhằm bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh [H1-1.4-05].

c) Nhà trường chủ động thực hiện đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh, phù hợp theo yêu cầu của từng giai đoạn giáo dục. Các tổ chuyên môn xây dựng đa dạng các hình thức đánh giá phù hợp với đặc thù bộ môn, với từng bài học và phương pháp triển khai nội dung bài học; kết hợp đánh giá, nhận xét của giáo viên với việc học sinh đánh giá lẫn nhau và tự đánh giá kết quả học tập của cá nhân thông qua các giờ thuyết trình, ôn tập, thực hành, đảm bảo sự khách quan, hiệu quả để ghi nhận kết quả giáo dục một cách chính xác nhất [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

Mức 2:

a) Nhà trường nghiêm túc thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục đã đề ra; bám sát và thực hiện đúng kế hoạch thời gian năm học. Các tổ chuyên môn lập kế hoạch chuyên môn thống nhất trong tổ về nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H1-1.8-01]; [H1-1.4-05]; [H1-1.8-04].

b) Công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu được nhà trường quan tâm, xem đây là mảng ưu tiên phát triển. Hằng năm, nhà trường tổ chức các cuộc thi năng khiếu cấp trường để tạo cho học sinh sân chơi trau dồi về học thuật; phát hiện và bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu học tốt bộ môn, tạo nguồn cho đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp thành phố. Học sinh được rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, xây dựng các dự án thông qua cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, cuộc thi khởi nghiệp. Đồng thời, học sinh được rèn luyện năng khiếu qua nhiều hoạt động như cuộc thi người dẫn chương trình học đường, cuộc thi đầu bếp trẻ, nhiếp ảnh, vẽ,... Tuy nhiên, việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu chưa có sự đồng đều về chất lượng giữa các bộ môn. [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường có thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Tuy nhiên, một số giáo viên chưa

linh hoạt và sáng tạo trong việc lựa chọn các nội dung và hình thức tổ chức dạy học nên kết quả bồi dưỡng học sinh năng khiếu chưa có sự đồng đều về chất lượng giữa các bộ môn [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

3. Điểm yếu

Việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu chưa có sự đồng đều về chất lượng giữa các bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường sẽ chỉ đạo giáo viên tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, tổ bộ môn tăng cường sinh hoạt chuyên đề về đổi mới nội dung, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; tăng cường công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu đồng đều ở các bộ môn để đạt kết quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh

khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch phân loại học sinh theo tổ hợp môn học, tổ chức biên chế lớp phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh, phân công giáo viên hợp lý về khả năng, sở trường để từ đó có các biện pháp giúp đỡ học sinh vươn lên trong học tập [H1-1.5-01].

Có kế hoạch quan tâm đến những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, tạo điều kiện cho các em trong việc miễn giảm một số hoạt động học tập, hỗ trợ các em thông qua hoạt động quyên góp, quỹ khuyến học, trợ cấp hoặc trao thưởng tặng quà cho các em học sinh nghèo vượt khó [H1-1.8-01]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-12].

b) Dựa vào kết quả học tập của học sinh sau mỗi học kỳ, các tổ chuyên môn phân công giáo viên phụ trách các lớp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém. Ngoài ra, nhà trường thành lập các câu lạc bộ như dinh dưỡng, văn nghệ, võ thuật, thể dục thể thao, nhiếp ảnh,... giúp học sinh phát triển năng khiếu

cá nhân [H5-5.1-05]; [H5-5.2-01].

c) Sau mỗi học kỳ, các tổ chuyên môn đánh giá và rà soát lại hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém và hoạt động của các câu lạc bộ để từ đó có kế hoạch cải tiến giúp các hoạt động này ngày càng tốt hơn [H5-5.2-01]; [H1-1.4-09].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo kế hoạch giáo dục. Sau quá trình được giúp đỡ, hầu hết học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đều khắc phục được những điểm yếu và có những tiến bộ nhất định. Sự nỗ lực của các em đã đáp ứng được mục tiêu giáo dục, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu đề ra trong mỗi năm học của nhà trường [H5-5.1-05].

Mức 3:

Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, nhà trường đều có học sinh tham dự và đạt thành tích cao trong các cuộc thi học thuật, thể dục thể thao, năng khiếu, nghệ thuật cấp thành phố. Một số học sinh có năng khiếu nhưng chưa thực sự tập trung, chưa đầu tư nghiên cứu và rèn luyện nên chưa đạt kết quả như mong muốn [H5-5.1-04]; [H5-5.2-02].

Thông kê thành tích của học sinh trong các cuộc thi học thuật, thể thao:

Năm học	Kỳ thi Học sinh giỏi lớp 12 cấp Thành phố	Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Thành phố	Hội khoẻ phù đồng cấp Thành phố
2018-2019	10 giải	Không có	02 giải
2019-2020	12 giải	Không có	03 giải
2020-2021	10 giải	01 giải	03 giải
2021-2022	05 giải	01 giải	07 giải
2022-2023	01 giải	02 giải	05 giải

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu ngay từ đầu mỗi năm học; thường xuyên giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh giỏi cấp thành phố còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy tổ chức các hoạt động giáo dục, giúp đỡ học sinh. Tổ chức thêm nhiều sân chơi bổ ích để tạo hứng thú cho học sinh đồng thời phát huy năng khiếu của các em. Tăng cường phối hợp giữa giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và gia đình học sinh trong công tác phụ đạo cho học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh giỏi để học sinh đạt kết quả tốt hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo công văn 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn nội dung giáo dục địa phương ở cấp trung học phổ thông, triển khai cụ thể ở các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Công nghệ, Thể dục đối với các lớp khối 12 [H5-5.3-01]. Năm học 2023-2024, nhà trường thực hiện giảng dạy môn giáo dục địa phương đối với học sinh khối 10, khối 11 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 [H5-5.3-02].

Các tổ chuyên môn tổ chức các buổi học tập trải nghiệm, mở rộng không gian lớp học tới các địa điểm trên thành phố Thủ Đức; Đoàn trường và Chi đoàn giáo viên tổ chức các buổi về nguồn, ngày chủ nhật xanh, viếng mộ Thiếu tướng Đào Sơn Tây nhằm gắn kết giữa nhà trường và địa phương đồng thời giúp học sinh học tập trực quan sinh động hơn [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04].

b) Các tổ chuyên môn thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả thông qua các sản phẩm thuyết trình, các dự án bài học ở các bộ môn [H5-5.3-02]; [H5-5.3-04].

c) Hằng năm, nhà trường đều cho các tổ chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện giáo dục địa phương. Các tổ chuyên môn cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung theo quy định và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, nội dung giáo dục địa phương thực hiện chủ yếu ở một số bộ môn như Lịch sử, Địa lý, Sinh học, Công nghệ, các môn khác có tích hợp vào các bài học phù hợp nhưng chưa nhiều [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Mức 2:

Nhà trường chỉ đạo các tổ bộ môn xây dựng kế hoạch, bổ sung nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học, đặc biệt chú trọng việc thiết kế và tổ chức các tiết học trải nghiệm thực tế tại địa phương; qua đó, giúp học sinh hiểu biết thêm về lịch sử địa phương, khơi dậy niềm tự hào về thành phố, phát huy

năng lực học sinh, kết hợp định hướng nghề nghiệp cho các em. Nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia tiết học ngoài nhà trường ở nhiều địa điểm thực tế như Bảo tàng Hồ Chí Minh, Di tích Ngã Ba Giồng, Địa đạo Củ Chi, Di tích Bót dây thép Thủ Đức, Bùng bung 6 xã, Nhà Truyền thống Thủ Đức, ... Tuy nhiên, việc sưu tầm và bổ sung tài liệu tham khảo chính thống về nội dung giáo dục địa phương chưa phong phú [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh theo đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Tài liệu tham khảo chính thống về giáo dục địa phương chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường xây dựng kế hoạch cho các tổ chuyên môn và học sinh sưu tầm, bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả giảng dạy giáo dục địa phương; tăng cường việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương hằng năm.

Tăng cường tổ chức cho giáo viên và học sinh tham quan thực tế, tiết học ngoài nhà trường, hoạt động trải nghiệm tại các khu di tích lịch sử, khu sinh thái của Thành phố Hồ Chí Minh, tạo điều kiện cho nhiều học sinh tham gia.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2023-2024, nhà trường thực hiện giảng dạy môn hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đối với học sinh khối 10, khối 11 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 [H5-5.4-01].

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

b) Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh luôn được nhà trường quan tâm và tổ chức hằng năm. Khi tiến hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nhà trường luôn chuẩn bị chu đáo như phương tiện, tài liệu, đội ngũ giáo viên, nhân viên tham gia đồng thời phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh nhằm giúp học sinh hứng thú và thu được nhiều kiến thức trong các chuyến trải nghiệm, ngoại khóa, hướng nghiệp [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

c) Nhà trường phân công giáo viên có năng lực tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh và giúp học sinh thu được nhiều kết quả sau mỗi hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H5-5.2-03].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực [H5-5.4-03]. Năm học

2022-2023, nhà trường tổ chức các lớp dạy nghề phổ thông cho học sinh các lớp 11, bao gồm môn nghề làm vườn, điện công nghiệp, tin học văn phòng. Các ngành nghề nhà trường tổ chức học phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của địa phương [H5-5.4-04].

Nhà trường thường xuyên tổ chức mời các báo cáo viên sinh hoạt ngoại khóa, chuyên đề về: an toàn giao thông, ma túy học đường, sức khỏe sinh sản, giới tính, cách sử dụng trang mạng xã hội, phòng cháy chữa cháy, rèn kỹ năng thoát hiểm. Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch hướng nghiệp và thường xuyên tổ chức tư vấn hướng nghiệp, chọn ngành cho học sinh khối 12 [H4-4.2-02]; [H5-5.4-02].

b) Nhà trường luôn rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở từng lớp, từng khối, từng năm; khen thưởng đối với giáo viên, học sinh đạt thành tích khi tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức [H5-5.4-05]. Tuy nhiên, việc thực hiện rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có lúc chưa kịp thời.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường, các hình thức tổ chức phong phú, phù hợp và đạt kết quả thiết thực.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có lúc chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường xây dựng tổ chức thường xuyên các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để học sinh tham gia đầy đủ, hiệu quả hơn; kịp thời thực hiện rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để rút kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả tổ chức.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp tập huấn, xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Nhà trường có phòng tâm lý, có giáo viên tư vấn tâm lý và câu lạc bộ tâm lý để hướng dẫn, giáo dục kỹ năng sống, ứng xử trong gia đình, bạn bè và xã hội cho học sinh. Bên cạnh đó, các tổ chuyên môn có kế hoạch lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh vào bài dạy. Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống thực hiện vào các tiết ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt chủ nhiệm, các buổi sinh hoạt

dưới cờ và các lớp tập huấn công tác kỹ năng đoàn [H5-5.5-01].

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục như hoạt động của phòng tâm lý và câu lạc bộ tâm lý; các tiết học ngoài giờ lên lớp; sinh hoạt chủ nhiệm; các tiết học được lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống; các buổi ngoại khóa, hoạt động của Đoàn thanh niên [H2-2.2-06]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03].

c) Thông qua các hoạt động giáo dục, đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H5-5.5-04].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh cho toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh. Học sinh đã biết tự đánh giá kết quả học tập của bản thân và của bạn bè trong lớp trên học liệu điện tử K12Online, đồng thời học sinh cũng tự giám sát điểm số học tập trên hệ thống học liệu điện tử EnetViet [H2-2.4-02]; [H5-5.5-05].

Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả rèn luyện của bản thân thông qua việc chấp hành và chủ động thực hiện nội quy của nhà trường [H2-2.4-09].

b) Thông qua các hoạt động giáo dục, các chương trình ngoại khóa, sinh hoạt tập thể, sinh hoạt câu lạc bộ, tiết học ngoài giờ lên lớp hay các tiết học đổi mới, các em học sinh có cơ hội được thể hiện năng khiếu của bản thân, được trải nghiệm vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Kết quả các em đã biết làm các mô hình nhà thông minh, làm xà bông, trồng cây thủy canh,... [H5-5.5-04]; [H5-5.5-06].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường tổ chức phân công giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Năm học 2022-2023, nhà trường đạt 02 giải ba hội thi nghiên cứu khoa học cấp thành phố [H5-5.5-04]. Tuy nhiên số lượng học sinh

tham gia nghiên cứu khoa học còn ít và kết quả đạt được chưa cao.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Thông qua các hoạt động giáo dục, học sinh được rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật và có chuyển biến tích cực. Từ đó, học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học trong nhà trường còn ít, kết quả đạt được chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, có chính sách hỗ trợ cho giáo viên, học sinh tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học để thu hút nhiều học sinh có năng khiếu tham gia.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05

năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-01].

Kết quả đánh giá học sinh theo Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông kèm theo thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT.

Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023 (Thông tư 58)
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi (%)	5,63%	14,30%	14,76%	25,78%	30,29%
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá (%)	42,81%	59,70%	61,16%	57,70%	55,56%

Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023 (Thông tư 58)
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt (%)	62,06%	92,2%	88,14%	91,84%	90,03%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá (%)	26,22%	6,30%	8,05%	5,71%	7,60%

Kết quả đánh giá học sinh theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

Số liệu	Năm học 2022-2023 (Thông tư 22)
Tỷ lệ học sinh xếp loại học tập Tốt (%)	30,71%
Tỷ lệ học sinh xếp loại học tập khá (%)	51,93%
Tỷ lệ học sinh xếp loại rèn luyện tốt (%)	92,28%
Tỷ lệ học sinh xếp loại rèn luyện Khá (%)	6,08%

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt chỉ tiêu kế hoạch của nhà trường [H1-1.8-04]; [H5-5.6-02].

Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Tỷ lệ học sinh lên lớp (%)	97,04	99,01	99,52	99,88	99,82
Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT (%)	96,72	99,63	99,82	99,64	100

c) Hằng năm, nhà trường tiến hành phân luồng cho học sinh thông qua công tác giáo dục hướng nghiệp, giáo viên chủ nhiệm làm công tác định hướng, tư vấn cho học sinh làm hồ sơ xét tuyển, chọn ngành, chọn trường phù hợp với năng lực và nguyện vọng của học sinh, số lượng học sinh đậu các trường đại học, cao đẳng

ngày càng cao [H5-5.4-02]; [H5-5.6-02].

Mức 2:

a) Trong 05 năm qua, kết quả học lực, hạnh kiểm (rèn luyện) của học sinh có chuyển biến tích cực. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực từ trung bình trở lên dao động trong khoảng từ 92,62% đến 99%, trong đó tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi, khá tăng đều hằng năm, từ 48,44% lên đến 84,60% [H5-5.6-01].

b) Trong giai đoạn 2018-2023, bình quân tỷ lệ học sinh lên lớp là 99,1% và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông là 99,2%. So với chất lượng đầu vào ở mức trung bình yếu, đây là kết quả ổn định và thể hiện sự nỗ lực của tập thể sư phạm nhà trường [H5-5.6-02].

Mức 3:

a) Nhà trường nằm trong khu vực không thuận lợi về giao thông, có điểm tuyển sinh vào lớp 10 ở mức trung bình. Tuy nhiên với sự cố gắng liên tục của tập thể sư phạm nhà trường, việc học tập của học sinh đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023, tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình trở lên bình quân là 97,91%. Trong đó, tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi bình quân là 18,19%; tỷ lệ học sinh xếp loại khá bình quân là 55,1%; tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém có mức bình quân là 2,09%. Một số học sinh chưa chủ động trong học tập nên kết quả chưa cao [H5-5.6-01].

Cùng với hoạt động giảng dạy, công tác giáo dục đạo đức, giáo dục ý thức chấp hành kỷ luật của học sinh được nhà trường xem là khâu quan trọng để nâng cao chất lượng chung của nhà trường. Qua các năm, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt, khá đạt mức bình quân 95,72%. Kết quả này đã tạo cho cha mẹ học sinh niềm tin khi gửi con đến trường [H5-5.6-01].

b) Hằng năm, nhà trường không có học sinh bỏ học, tỷ lệ học sinh lưu ban ngày càng giảm, năm học 2022-2023 có tỷ lệ học sinh lưu ban còn 0,18% [H5-5.6-02].

2. Điểm mạnh

Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực.

Nhà trường tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí để giáo viên làm việc, nghiên cứu tài liệu, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

Nhà trường có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu từ đầu các năm học, phối hợp với cha mẹ học sinh để động viên học sinh tích cực học tập.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa chủ động trong học tập nên kết quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường tăng cường cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp trình độ từng đối tượng học sinh, đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn theo quy định, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường qua từng năm.

Tiếp tục duy trì công tác tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh.

Tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc giám sát, động viên, khích lệ học sinh tích cực, chủ động trong học tập.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục.

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện giáo dục cho học sinh

có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

Các tổ chuyên môn tích cực tổ chức các buổi học tập trải nghiệm, mở rộng không gian lớp học tới các địa điểm trong và ngoài thành phố tạo sự hứng thú trong học tập cho học sinh.

Đoàn trường và Chi đoàn giáo viên tổ chức các buổi về nguồn, ngày chủ nhật xanh, nhằm gắn kết giữa nhà trường và địa phương đồng thời giúp học sinh học tập trong môi trường trực quan sinh động.

Nhà trường luôn khen thưởng kịp thời giáo viên, học sinh đạt thành tích khi tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức.

Lãnh đạo nhà trường có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, tổ chức quản lý chặt chẽ việc thực hiện nề nếp, quy chế chuyên môn. Tổ chức lớp học theo ban tự nhiên và xã hội, thuận lợi trong việc dạy và học đúng nguyện vọng của học sinh.

Nhà trường tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí để giáo viên làm việc, nghiên cứu tài liệu, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

Điểm yếu cơ bản:

Một số học sinh chưa chủ động, tích cực trong học tập nên kết quả chưa cao.

Một số giáo viên chưa linh hoạt và sáng tạo trong việc lựa chọn các nội dung và hình thức tổ chức dạy học.

Tài liệu về nội dung giáo dục địa phương của nhà trường chưa phong phú.

Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học còn ít.

Số lượng các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- | | |
|------------------------------|------------------------------------|
| + Số tiêu chí đạt mức 1: 6/6 | + Số tiêu chí không đạt mức 1: 0/6 |
| + Số tiêu chí đạt mức 2: 6/6 | + Số tiêu chí không đạt mức 2: 0/6 |
| + Số tiêu chí đạt mức 3: 3/4 | + Số tiêu chí không đạt mức 3: 1/4 |

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Thực hiện chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây đã tổ chức thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục tại đơn vị theo các công văn hướng dẫn của của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở đánh giá hiện trạng của nhà trường kể từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.

Báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã được các thành viên Hội đồng tự đánh giá thông qua với kết quả nhất trí 100%, đồng thời cũng được Hội đồng nhà trường thông qua. Kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đã cho thấy được sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của nhà trường trong 05 năm qua về phát triển chất lượng giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị nhà trường.

Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây đối chiếu với tổng số 28 tiêu chí trong 5 tiêu chuẩn theo quy định ở Mức 1, 2 và 3 thông qua những nội dung thẩm định của báo cáo tự đánh giá, nghiêm túc đánh giá những kết quả đạt được về chất lượng giáo dục của nhà trường như sau:

Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3 như sau:

- | | | |
|--|-------|-------------|
| – Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: | 28/28 | tỷ lệ: 100% |
| – Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: | 00/28 | tỷ lệ: 0% |
| – Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: | 28/28 | tỷ lệ: 100% |
| – Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: | 00/28 | tỷ lệ: 0% |
| – Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: | 14/20 | tỷ lệ: 70% |
| – Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: | 06/20 | tỷ lệ: 30% |

Căn cứ theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Trường Trung học phổ thông

Đào Sơn Tây tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường đạt Mức độ 2.

Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Hảo

Phần IV. PHỤ LỤC

Danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt	Năm 2020	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H1-1.1-02]	Hình chụp công khai trang web, bảng niêm yết công khai	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.1-04]	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển nhà trường	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		
	4	[H1-1.1-05]	Kế hoạch bổ sung chiến lược phát triển nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 – 2025.	3548, 3485/QĐ-GDĐT-TC ngày 31/12/2020 1952/QĐ-SGDĐT ngày 29/10/2021 2379/QĐ-SGDĐT ngày 28/9/2022	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng chuyên môn.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	5	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập Hội đồng coi và chấm kiểm tra, coi và chấm kiểm tra lại	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	6	[H1-1.2-06]	Quyết định thành lập Hội đồng xét đề nghị nâng lương, nâng lương trước hạn	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	7	[H1-1.2-07]	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh 10	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.2-08]	Sổ biên bản họp của Hội đồng trường và các hội đồng khác	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	9	[H1-1.2-09]	Báo cáo sơ kết hằng năm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	10	[H1-1.2-10]	Nghị quyết Hội đồng trường	Hằng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định công nhận Ban chấp hành Công đoàn	Theo nhiệm kỳ	Công đoàn Giáo dục thành phố	Phòng lưu trữ
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định công nhận Ban chấp hành Chi đoàn giáo viên	Theo nhiệm kỳ	Thành Đoàn Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định công nhận Ban chấp hành Đoàn trường	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Thành Đoàn Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.3-04]	Quyết định công nhận Ban chấp hành Chi hội khuyến học; Chi hội Hội chữ thập đỏ	Năm 2022, 2024	Hội Khuyến học; Hội chữ thập đỏ thành phố Thủ Đức	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	5	[H1-1.3-05]	Kế hoạch hoạt động của Công đoàn	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Chủ tịch công đoàn	Phòng lưu trữ
	6	[H1-1.3-06]	Kế hoạch hoạt động của Chi đoàn giáo viên	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Bí thư Chi đoàn giáo viên	Phòng lưu trữ
	7	[H1-1.3-07]	Kế hoạch hoạt động của Đoàn trường	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Bí thư Đoàn trường	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.3-08]	Kế hoạch hoạt động khuyến học, Kế hoạch hoạt động chữ thập đỏ	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Chi hội Khuyến học, Chữ thập đỏ	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	9	[H1-1.3-09]	Báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động công đoàn	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Chủ tịch công đoàn	Phòng lưu trữ
	10	[H1-1.3-10]	Báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động của Chi đoàn giáo viên	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Bí thư Chi đoàn giáo viên	Phòng lưu trữ
	11	[H1-1.3-11]	Báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động của Đoàn trường	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Bí thư đoàn trường	Phòng lưu trữ
	12	[H1-1.3-12]	Báo cáo hoạt động khuyến học, hoạt động chữ thập đỏ	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Chi hội khuyến học	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	13	[H1-1.3-13]	Quyết định chuẩn y cấp ủy chỉ bộ nhiệm kỳ 2020-2025	Năm 2020, năm 2021	Thành ủy Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	14	[H1-1.3-14]	Sổ họp chi bộ hằng năm	Năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023	Bí thư Chi bộ	Phòng lưu trữ
	15	[H1-1.3-15]	Nghị quyết chi bộ hàng tháng	Năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023	Bí thư Chi bộ	Phòng lưu trữ
	16	[H1-1.3-16]	Kế hoạch hoạt động chi bộ	Năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023	Bí thư Chi bộ	Phòng lưu trữ
	17	[H1-1.3-17]	Xếp loại chất lượng chi bộ hằng năm	Năm 2019-2023	Thành ủy Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	18	[H1-1.3-18]	Bằng khen, Giấy khen của Công đoàn	Hằng năm	Công đoàn Giáo dục thành phố	Phòng lưu trữ
	19	[H1-1.3-19]	Bằng khen, Giấy khen của Chi đoàn giáo viên	Hằng năm	Thành đoàn Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	20	[H1-1.3-20]	Bằng khen, Giấy khen của Đoàn trường	Hằng năm	Thành đoàn Thủ Đức	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	21	[H1-1.3-21]	Hình ảnh tham gia các hoạt động thiện nguyện, hiến máu, trao học bổng	Hàng năm	Công Đoàn	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng	Theo nhiệm kỳ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định phân công nhiệm vụ Ban lãnh đạo nhà trường	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.4-04]	Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	5	[H1-1.4-05]	Kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ trưởng Chuyên môn/ Tổ trưởng Văn phòng	Phòng lưu trữ
	6	[H1-1.4-06]	Kế hoạch làm việc của từng thành viên tổ văn phòng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Cá nhân tổ văn phòng	Phòng lưu trữ
	7	[H1-1.4-07]	Phân công nhiệm vụ của từng thành viên tổ văn phòng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.4-08]	Biên bản họp tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng Chuyên môn/ Tổ trưởng Văn phòng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	9	[H1-1.4-09]	Hồ sơ tổ chức chuyên đề của tổ chuyên môn	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng Chuyên môn	Phòng lưu trữ
	10	[H1-1.4-10]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	11	[H1-1.4-11]	Báo cáo tổng kết hoạt động tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng Chuyên môn/ Tổ trưởng Văn phòng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách xếp lớp học sinh và giáo viên chủ nhiệm các năm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H1-1.5-02]	Sổ sinh hoạt lớp	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên chủ nhiệm lớp	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.5-03]	Sổ chủ nhiệm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên chủ nhiệm lớp	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ đăng ký văn bản đi, văn bản đến (văn phòng điện tử 2024)	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	Phòng lưu trữ
	2	[H1-1.6-02]	Quy định Danh mục quản lý hồ sơ lưu trữ	Hằng năm	Văn thư	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H1-1.6-03]	Dự toán ngân sách	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.6-04]	Báo cáo quyết toán	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H1-1.6-05]	Báo cáo công khai tài chính	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	6	[H1-1.6-06]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	7	[H1-1.6-07]	Hệ thống phần mềm quản lý tài chính: Misa, dịch vụ công trực tuyến	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Các bộ phận	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.6-08]	Biên bản kiểm tra tài chính hằng năm	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	9	[H1-1.6-09]	Kế hoạch kiểm kê tài sản hằng năm	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	10	[H1-1.6-10]	Giấy khen có thành tích xuất sắc trong công tác thanh tra, kiểm tra	Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hằng năm	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H1-1.7-02]	Danh sách giáo viên, nhân viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.7-03]	Quyết định phân công giảng dạy, nhiệm vụ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.7-04]	Quy chế làm việc, Quy chế chuyên môn	Hằng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H1-1.7-05]	Bảng lương của cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	6	[H1-1.7-06]	Bảng chi thu nhập tăng thêm của cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	7	[H1-1.7-07]	Quyết định khen thưởng giáo viên, nhân viên hằng năm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.7-08]	Hồ sơ khám sức khỏe giáo viên, nhân viên hằng năm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Y tế	Phòng Y tế
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục hằng năm	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H1-1.8-02]	Thời khóa biểu	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H1-1.8-03]	Sổ ghi đầu bài	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.8-04]	Báo cáo tổng kết năm học	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H1-1.8-05]	Hồ sơ dạy thêm học thêm	Hằng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	6	[H1-1.8-06]	Quyết định công nhận kết quả tập thể hằng năm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cấp tổ	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ công chức - viên chức cấp trường	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.9-03]	Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.9-04]	Quy chế dân chủ cơ sở	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H1-1.9-05]	Báo cáo thực hiện nghị quyết Hội nghị viên chức và quy chế dân chủ cơ sở	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	6	[H1-1.9-06]	Biên bản họp hội đồng sư phạm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	7	[H1-1.9-07]	Biên bản công khai Quy chế dân chủ cơ sở	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.9-08]	Hồ sơ tiếp công dân	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H1-1.10-02]	Kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ bán trú theo quy định	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H1-1.10-05]	Nhật ký công tác	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	6	[H1-1.10-06]	Quy chế tiếp công dân, lịch tiếp, sổ ghi biên bản	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	7	[H1-1.10-07]	Báo cáo công tác Chính trị tư tưởng về phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.10-08]	Kế hoạch phối hợp giữa nhà trường với Công an thành phố Thủ Đức/ phường Linh Xuân về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Số 93/QCPH-CATĐ-Trường THPT Đào Sơn Tây ngày 18/3/2022 Số 15/KHPH-CAP-TH ngày 18/3/2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	9	[H1-1.10-09]	Sổ biên bản tiếp cha mẹ học sinh	Hàng năm	Phó Hiệu trưởng phụ trách	Phòng lưu trữ
	10	[H1-1.10-10]	Giấy khen đơn vị đảm bảo an ninh quốc phòng; đơn vị Dân vận khéo cấp Thành phố Hồ Chí Minh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	- Công an Thủ Đức - UBND TPHCM	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ cán bộ công chức của hiệu trưởng và phó hiệu trưởng theo quy định	Theo cá nhân	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H2-2.1-02]	Bản xếp loại viên chức và kiểm điểm đảng viên của hiệu trưởng và phó hiệu trưởng hằng năm.	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Chi bộ	Phòng lưu trữ
	3	[H2-2.1-03]	Kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H2-2.1-04]	Chứng chỉ đã qua các lớp bồi dưỡng: CDNN hạng II, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, bồi dưỡng kiến thức QPAN của BGH	Hằng năm	Các nơi đào tạo chứng chỉ, bồi dưỡng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	5	[H2-2.1-05]	Văn bằng chứng chỉ về trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị của BGH	Hàng năm	Các nơi đào tạo chứng chỉ, bồi dưỡng	Phòng lưu trữ
	6	[H2-2.1-06]	Kết quả chính trị hệ hằng năm	Năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Thủ Đức	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Danh sách giáo viên của trường có đầy đủ thông tin theo ePMIS	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H2-2.2-02]	Phân công chuyên môn	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H2-2.2-03]	Tổng hợp trình độ đào tạo của cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2023-2024		
	4	[H2-2.2-04]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp của giáo viên	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H2-2.2-05]	Danh sách giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	6	[H2-2.2-06]	Kế hoạch tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động thiện nguyện	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	7	[H2-2.2-07]	Kế hoạch tổ chức các cuộc thi: Tên lửa nước, đua xe thể năng, kết cấu chịu lực, đua xe Năng lượng mặt trời...	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	8	[H2-2.2-08]	Hồ sơ hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	9	[H2-2.2-09]	Kết quả các cuộc thi khoa học kỹ thuật, Tin học MOS, Robot	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	10	[H2-2.2-10]	Kết quả đánh giá xếp loại viên chức hằng năm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	11	[H2-2.2-11]	Bảng tổng hợp đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên giáo viên hằng năm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	12	[H2-2.2-12]	Kết quả cuộc thi Ứng dụng CNTT cơ bản của cán bộ, giáo viên, nhân viên	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	13	[H2-2.2-13]	Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên học cao học, trung cấp chính trị hành chính	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động của nhân viên	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H2-2.3-02]	Các văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm của nhân viên	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Các nơi đào tạo văn bằng, chứng chỉ, bồi dưỡng	Phòng lưu trữ
	3	[H2-2.3-03]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá thi đua của cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H2-2.3-04]	Danh sách nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Sổ đăng bộ	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H2-2.4-02]	Quy chế sử dụng Sổ liên lạc điện tử	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H2-2.4-03]	Nội qui học sinh	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H2-2.4-04]	Kế hoạch tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường và học sinh	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	5	[H2-2.4-05]	Danh sách học sinh được miễn giảm học phí, nhận học bổng khuyến học	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	6	[H2-2.4-06]	Kế hoạch tổ chức khám sức khỏe cho học sinh	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	7	[H2-2.4-07]	Hồ sơ chuyên trường	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	8	[H2-2.4-08]	Sổ cập nhật học sinh vi phạm hằng năm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	9	[H2-2.4-09]	Thang điểm đánh giá hạnh kiểm/rèn luyện học sinh hằng năm	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	10	[H2-2.4-10]	Quyết định khen thưởng học sinh đạt thành tích trong học tập, hoạt động phong trào	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Chứng nhận quyền sử dụng đất, bàn giao tài sản, nhà trường	Năm 2014	Sở TNMT	Phòng lưu trữ
	2	[H3-3.1-02]	Ảnh chụp khuôn viên của nhà trường.	Hằng năm	Phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh cổng, biển tên trường, tường rào.	Hằng năm	Phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
	4	[H3-3.1-04]	Danh mục các thiết bị luyện tập thể dục thể thao, hồ sơ mua sắm và báo cáo thiết bị thể dục thể thao hằng năm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	5	[H3-3.1-05]	Sơ đồ tổng thể và từng khu của nhà trường.	Hàng năm	Phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Sơ đồ các phòng học của nhà trường.	Hàng năm	Phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, thư viện, phòng đoàn thể, phòng truyền thống, phòng vi tính...	Hàng năm	Phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh phòng tư vấn tâm lý	Hàng năm	Phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Sơ đồ khu vực để xe giáo viên, học sinh trong trường	Hàng năm	Phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
	2	[H3-3.3-02]	Báo cáo kinh phí và kế hoạch mua sắm, sửa chữa thiết bị	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H3-3.3-03]	Sổ quản lý tài sản	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Sơ đồ bố trí nhà vệ sinh giáo viên và học sinh	Hàng năm	Phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
	2	[H3-3.4-02]	Chứng nhận có nguồn nước sạch của ngành y tế.	Hàng năm	Trung tâm y tế dự phòng Thành phố Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng cung cấp nước sạch	Theo năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H3-3.4-04]	Hợp đồng thu gom rác sinh hoạt	Theo năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Danh mục thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học hiện có của nhà trường	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H3-3.5-02]	Sổ đăng ký mượn đồ dùng dạy học	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H3-3.5-03]	Báo cáo kiểm kê tài sản hàng năm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H3-3.5-04]	Hợp đồng Internet	Theo năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H3-3.5-05]	Hồ sơ lắp màn hình Led 135 inch, mua sắm tivi	Năm 2022	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục sách, báo và tài liệu tham khảo được bổ sung	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H3-3.6-02]	Kế hoạch hoạt động thư viện	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Thư viện	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H3-3.6-03]	Giới thiệu sách, chuyên đề hàng tháng	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Thư viện	Phòng lưu trữ
	4	[H3-3.6-04]	Báo cáo kết quả hoạt động thư viện	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Thư viện	Phòng lưu trữ
	5	[H3-3.6-05]	Biên bản tự kiểm tra của trường và kiểm tra chéo hoạt động thư viện của cụm chuyên môn	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Thư viện	Phòng lưu trữ
	6	[H3-3.6-06]	Sổ sách, chứng từ chi cho mua sắm sách, tài liệu, báo...	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	7	[H3-3.6-07]	Quyết định công nhận Thư viện đạt chuẩn, thư viện xuất sắc.	Hàng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ
	8	[H3-3.6-08]	Hình ảnh khuôn viên Thư viện	Hàng năm	Nhân viên Thư viện	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Giáo viên chủ nhiệm	Phòng lưu trữ
	2	[H4-4.1-02]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh trường	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng lưu trữ
	3	[H4-4.1-03]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	4	[H4-4.1-04]	Báo cáo về hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng lưu trữ
	5	[H4-4.1-05]	Biên bản các cuộc họp cha mẹ học sinh	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên chủ nhiệm	Phòng lưu trữ
	6	[H4-4.1-06]	Hồ sơ công tác tài chính Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ tài trợ giáo dục	Hàng năm	Kế toán	Phòng lưu trữ
	2	[H4-4.2-02]	Kế hoạch tuyên truyền/hình ảnh	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Đoàn thanh niên	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				Năm học 2022-2023		
	3	[H4-4.2-03]	Biên bản phối hợp với Công an và Y tế	Hằng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H4-4.2-04]	Hình ảnh Đoàn thanh niên đi thăm tình nguyện	Hằng năm	Đoàn trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H4-4.2-05]	Hình ảnh tổ chức các hoạt động thiện nguyện, tết nhân ái, hiến máu nhân đạo	Hằng năm	Đoàn trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Hồ sơ các tiết thao giảng, thi giáo viên giỏi, các chuyên đề	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H5-5.1-02]	Bài kiểm tra của học sinh theo quy định các môn, đề kiểm tra học kỳ các môn	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn	Phòng lưu trữ
	3	[H5-5.1-03]	Quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H5-5.1-04]	Danh sách học sinh giỏi lớp 12; đạt huy chương Olympic tháng 4 và các cuộc thi cấp thành phố	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn	Phòng lưu trữ
	5	[H5-5.1-05]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch tổ chức hoạt động của các câu lạc bộ	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H5-5.2-02]	Bằng khen, giấy khen các ban ngành cấp cho học sinh	2019, 2020, 2021, 2022, 2023	Thành Đoàn	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch giảng dạy giáo dục địa phương của trường	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch giảng dạy môn giáo dục địa phương khối 10, 11	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ trưởng chuyên môn	Phòng lưu trữ
	3	[H5-5.3-03]	Kế hoạch về nguồn	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	4	[H5-5.3-04]	Hình ảnh tuyên truyền giáo dục địa phương	Hàng năm	Phó Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch giảng dạy môn hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp khối 10, 11	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H5-5.4-02]	Kế hoạch tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 12	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H5-5.4-03]	Kế hoạch tổ chức ngoại khóa, trải nghiệm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H5-5.4-04]	Kế hoạch dạy nghề	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	5	[H5-5.4-05]	Quyết định khen thưởng học sinh tham gia các hoạt động	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống, tư vấn tâm lý	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H5-5.5-02]	Hình ảnh các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, tư vấn tâm lý, giáo dục giới tính...	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H5-5.5-03]	Hình ảnh các hội thi văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian.	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H5-5.5-04]	Kết quả cuộc thi khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học cấp trường, cấp thành phố	Hàng năm	Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	5	[H5-5.5-05]	Quy chế dạy học trực tuyến	Năm 2021 Năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	6	[H5-5.5-06]	Hình ảnh các mô hình thiết kế của học sinh (STEM)	Hàng năm	Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm học sinh	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H5-5.6-02]	Danh sách học sinh tốt nghiệp hằng năm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ